ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ & QUẢN TRỊ KINH DOANH**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **NGÀNH** | **:** | **QUẢN LÝ KINH TẾ (ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU)** |
| **TRÌNH ĐỘ** | **:** | **THẠC SĨ** |
| **MÃ NGÀNH** | **:** | **8.31.01.10** |

**Thái Nguyên, 2022**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục lục** | **Trang** |
| 1. Giới thiệu về trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh | 2 |
| *1.1. Triết lý giáo dục của Trường* | 2 |
| *1.2. Tầm nhìn và sứ mạng của Trường* | 3 |
| *1.3. Mục tiêu của Trường* | 3 |
| *1.4. Chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục* | 4 |
| *1.5. Giới thiệu về Khoa* | 4 |
| 2. Giới thiệu chương trình đào tạo | 5 |
| *2.1. Thông tin chung* | 5 |
| *2.2. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp* | 6 |
| 3. Mục tiêu của chương trình đào tạo | 6 |
| *3.1. Mục tiêu chung* | 6 |
| *3.2. Mục tiêu cụ thể* | 6 |
| 4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo | 7 |
| *4.1. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo* | 7 |
| *4.2. Ma trận đáp ứng của chuẩn đầu ra với mục tiêu Chương trình đào tạo, Khung trình độ quốc gia và sứ mạng, tầm nhìn của Trường* | 8 |
| 5. Đối tượng và tiêu chí tuyển sinh | 12 |
| 6. Quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp | 12 |
| *6.1. Quá trình đào tạo* | 12 |
| *6.2. Điều kiện tốt nghiệp* | 12 |
| 7. Chương trình dạy học | 12 |
| *7.1. Cấu trúc chương trình dạy học và kế hoạch giảng dạy* | 12 |
| *7.2. Ma trận đáp ứng giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo* | 15 |
| *7.3. Mô tả các học phần trong chương trình dạy học* | 18 |
| 8. Phương pháp giảng dạy – học tập | 61 |
| 9. Phương pháp đánh giá và hệ thống tính điểm | 63 |
| *9.1. Phương pháp đánh giá* | 63 |
| *9.2. Hệ thống tính điểm* | 64 |
| 10. Tổ chức thực hiện | 64 |

**1. Giới thiệu về trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh**

***1.1. Triết lý giáo dục của Trường***

“Phát huy tiềm năng, gắn liền thực tiễn, coi trọng chất lượng, vì tương lai người học”.

Triết lý giáo dục đó của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh được chuyển tải một cách cụ thể vào CTĐT thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế như Bảng 1.

**Bảng 1: Triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh được chuyển tải vào CTĐT thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế**

| **Chương trình đào tạo**  **ngành Thạc sĩ Quản lý kinh tế** | | **Triết lý giáo dục của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | ***Phát huy tiềm năng*** | ***Gắn liền thực tiễn*** | ***Coi trọng chất lượng*** | ***Vì tương lai người học*** |
| **I. Khối kiến thức chung** | Triết học | x | x | x | x |
| Tiếng Anh |  |  |  |  |
| Phương pháp nghiên cứu trong Quản lý kinh tế | x | x | x | x |
| **II. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành** | |  |  |  |  |
| **Khối kiến thức cơ sở** | **Các học phần bắt buộc** |  |  |  |  |
| Kinh tế học nâng cao | x | x | x | x |
| Quản trị học nâng cao | x | x | x | x |
| Quản lý nhà nước về kinh tế | x | x | x | x |
| **Các học phần tự chọn (2 học phần)** |  |  |  |  |
| Kinh tế quốc tế | x | x | x | x |
| Luật kinh tế nâng cao | x | x | x | x |
| Marketing | x | x | x | x |
| Kinh tế phát triển nâng cao | x | x | x | x |
| Lãnh đạo học | x | x | x | x |
| Khoa học quản lý | x | x | x | x |
| Kinh tế lượng ứng dụng | x | x | x | x |
| Tài chính ngân hàng | x | x | x | x |
| Thống kê trong kinh tế | x | x | x | x |
| **Khối kiến thức chuyên ngành** | **Các học phần bắt buộc** |  |  |  |  |
| Quản lý kinh tế | x | x | x | x |
| Phân tích chính sách kinh tế | x | x | x | x |
| Quản lý công | x | x | x | x |
| Quản lý phát triển địa phương |  |  |  |  |
| **Các học phần tự chọn (2 học phần)** | x | x | x | x |
| Tâm lý học quản lý kinh tế | x | x | x | x |
| Kế toán quản trị | x | x | x | x |
| Quản lý dự án | x | x | x | x |
| Quản lý tài chính công | x | x | x | x |
| Quản trị nguồn nhân lực | x | x | x | x |
|  | Quản lý rủi ro và khủng hoảng |  |  |  |  |
| Quản lý khoa học và công nghệ |  |  |  |  |
| **Thực tập và đề án tốt nghiệp** | Chuyên đề thực tế 1 | x | x | x | x |
| Chuyên đề thực tế 2 | x | x | x | x |
| Luận văn tốt nghiệp | x | x | x | x |

***1.2. Tầm nhìn và sứ mạng của Trường***

**Tầm nhìn**

Trở thành trường đại học hàng đầu trong nước và khu vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực k.tế, kinh doanh và quản lý.

**Sứ mạng**

Nhà trường có sứ mạng là: “Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, tư vấn, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý, góp phần phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội vùng trung du, miền núi phía Bắc và cả nước”.

***1.3. Mục tiêu của Trường***

*1.2.1. Mục tiêu tổng thể*

Xây dựng Trường đại học Kinh tế & Quản trị kinh doanh trở thành Trường Đại học uy tín trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ trong khu vực; Một số lĩnh vực sánh ngang với các Trường Đại học hàng đầu trong cả nước và khu vực ASEAN có cùng lĩnh vực hoạt động.

*1.2.2. Mục tiêu cụ thể*

a) Xây dựng môi trường đào tạo thân thiện, lấy người học làm trung tâm, chú trọng đến chất lượng đào tạo; xây dựng và phát huy các mối quan hệ hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, nhất là cộng đồng doanh nghiệp làm nền tảng cho hình thức đào tạo lý thuyết kết hợp với thực tiễn;

b) Đảm bảo kiến thức, chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức của người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng, từng bước đáp ứng được nhu cầu trong hội nhập lao động thuộc khu vực ASEAN;

c) Các công trình, sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ có tính ứng dụng cao, được áp dụng vào thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, làm nền tảng cho công tác đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao của Nhà trường;

d) Đào tạo đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ chuyên môn cao, cập nhật được kiến thức tiên tiến trên thế giới, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của nền kinh tế Việt Nam;

e) Xây dựng cơ bản hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại, đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học trong bối cảnh nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động hội nhập quốc tế;

f) Sắp xếp lại bộ máy và nhân sự  theo hướng gọn nhẹ, năng động, phát huy được tinh thần làm chủ, tự giác, năng động sáng tạo của đội ngũ cán bộ giảng viên trong Nhà trường;

g) Hoàn thiện cơ chế quản lý nhằm phát huy tinh thần đoàn kết trong Nhà trường, huy động sự tham gia chủ động, tích cực của đội ngũ giảng viên, cán bộ phục vụ đào tạo vào sự nghiệp phát triển chung của Nhà trường;

h) Các nguồn lực tài chính được phát triển theo hướng đa dạng hóa và bền vững, hiệu quả thông qua tăng cường, mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước, khai thác các hình thức huy động mới theo cơ chế mới, đặc thù; Tăng quy mô các nguồn thu của Trường, tiến tới đạt được sự tự chủ về tài chính của  trường đại học, sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí từ ngân sách đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị cho Trường; Huy động mọi nguồn lực tạo nguồn tài chính đủ để đảm bảo chủ động thực hiện các dự án phát triển Nhà trường;

i) Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị trong trường, xây dựng môi trường làm việc, học tập dân chủ, kỷ cương, văn minh, hiện đại thu hút được các chuyên gia trong nước và quốc tế.

***1.4. Chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục***

Nhà trường đạt chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục năm 2017 theo Quyết định số 117/QĐ-KĐCLGD ngày 12/12/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam.

***1.5. Giới thiệu về Khoa Quản lý – Luật kinh tế***

*1.5.1. Cơ cấu tổ chức*

Cơ cấu tổ chức của Khoa hiện có Ban Chủ nhiệm Khoa (gồm Trưởng khoa và 01 Phó Trưởng khoa) với 2 Bộ môn là: Luật kinh tế, Quản lý và Chính sách công. Trong Khoa gồm có các tổ chức đoàn thể như Chi bộ Khoa, Công đoàn Khoa, Liên chi Đoàn Thanh niên và Hội học viên của Khoa.

*1.5.2. Chức năng, nhiệm vụ*

**Chức năng**

Khoa Quản lý – Luật kinh tế có chức năng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có trình độ đại học về Luật kinh tế và trình độ đại học, sau đại học ngành Quản lý công, Quản lý kinh tế; Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế trong lĩnh vực Quản lý kinh tế, Luật kinh tế nhằm phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

**Nhiệm vụ**

- Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ở các trình độ Cử nhân Luật kinh tế, Thạc sĩ, tiến sĩ Quản lý kinh tế;

- Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội, các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế ở khu vực trung du, miền núi phía Bắc và cả nước.

- Cung cấp các dịch vụ tư vấn và bồi dưỡng ngắn hạn trong lĩnh vực Quản lý kinh tế, Luật kinh tế nhằm cập nhật và nâng cao kiến thức, kĩ năng nghề nghiệp cho các đối tượng liên quan đến nghề nghiệp Quản lý kinh tế, Luật kinh tế, các nhà doanh nghiệp và các đối tượng khác có nhu cầu.

*1.5.3. Đội ngũ giảng viên*

Khoa Quản lý kinh tế hiện có 28 giảng viên, người lao động trong đó có 19 giảng viên cơ hữu, 08 giảng viên kiêm nhiệm và 01 nhân viên văn phòng. Về trình độ, Khoa hiện có 14 tiến sĩ; 13 thạc sĩ (trong đó có 01 GV đang đi học NCS).

*1.5.4. Điều kiện cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ đào tạo*

**Cơ sở vật chất**

Nhà trường có tổng diện tích quy hoạch là 17,14 ha, trong đó diện tích đất sử dụng là 5,7 ha. Tổng diện tích sàn xây dựng là 330.588 m2, bao gồm diện tích giảng đường (phòng học, phòng thực hành máy tính, thư viện) là 14.492 m2, diện tích Nhà làm việc là 5.220 m2, ký túc xá là 9.308 m2, các công trình khác là 1.568 m2. Hệ thống sân thể thao, quảng trường học viên là 1.478 m2. Bên cạnh đó Nhà trường là thành viên của Đại học Thái Nguyên nên được sử dụng các công trình chung của Đại học như: Trung tâm học liệu, Nhà thi đấu đa năng, Căng tin... Để đảm bảo tốt hơn nữa công tác đào tạo, Nhà trường đã đưa vào sử dụng giảng đường Đơn nguyên 2 - GK2 với diện tích 3.250 m2 từ tháng 9/2017. Với hệ thống cơ sở vật chất hiện có Nhà trường đáp ứng đủ cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và các công tác chuyên môn khác.

**Trang thiết bị phục vụ đào tạo**

Tất cả các phòng học của Nhà trường được trang bị đầy đủ bục giảng, bàn ghế và bảng từ chống lóa, hệ thống chiếu sáng, quạt. Nhà trường có đủ máy chiếu (projector) phục vụ giảng dạy và NCKH, toàn bộ các phòng học tại giảng đường phục vụ cho hoạt động giảng dạy trực tiếp được lắp cố định máy chiếu; các phòng học lớn được trang bị hệ thống âm thanh (loa, âm ly, micro). Bên cạnh đó, các thiết bị khác như loa di động, máy cassette phục vụ học ngoại ngữ được trang bị và để tại phòng chờ của giáo viên của từng khu vực giảng đường để phục vụ các giáo viên có nhu cầu. Ngoài các trang thiết bị hỗ trợ dạy học tại các phòng học, Nhà trường có hệ thống phòng máy tính (gồm 05 phòng với số lượng máy tính mỗi phòng từ 21 - 60 máy) được trang bị đầy đủ máy tính, máy chiếu, tai nghe,…, được kết nối mạng LAN và mạng Internet, giúp học viên và cán bộ giáo viên nhà trường trong việc khai thác thông tin mạng, khai thác các trang Web riêng của nhà trường; cung cấp dịch vụ Web Server; cung cấp dịch vụ File Server; cung cấp dịch vụ Print Server; khai thác phần mềm thư viện (Winsis)…

**2. Giới thiệu chương trình đào tạo**

***2.1. Thông tin chung***

**Bảng 2: Thông tin chung về CTĐT**

|  |  |
| --- | --- |
| Tên gọi: | Chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế |
| Bậc: | Thạc sĩ |
| Loại hình đào tạo: | Hình thức chính quy; Hình thức VLVH |
| Thời gian: | Hình thức chính quy: 1,5 – 2 năm  Hình thức VLVH: 2 - 2,5 năm |
| Số tín chỉ: | 60 tín chỉ |
| Ngôn ngữ đào tạo: | Tiếng Việt |
| Khoa quản lý: | Khoa Quản lý – Luật kinh tế |
| Website: | tueba.edu.vn |
| Ban hành: | 2022 |

***2.2. Cơ hội việc làm và học tập sau khi tốt nghiệp***

*2.2.1. Cơ hội việc làm sau khi tốt nghiệp*

Học viên tốt nghiệp chương trình thạc sĩ Quản lý kinh tế định hướng ứng dụng có thể đảm nhiệm các vị trí:

***Nhóm 1 – Cán bộ quản lý:***

Các vị trí quản lý và lãnh đạo tại các cơ quan hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương và các doanh nghiệp.

***Nhóm 2 – Chuyên viên tư vấn, hoạch định chính sách kinh tế:***

Các vị trí chuyên viên tư vấn, hoạch định chiến lược và chính sách phát triển kinh tế cho các tổ chức công và tư nước từ trung ương đến địa phương.

***Nhóm 3 – Nghiên cứu viên, giảng viên:***

Các vị trí nghiên cứu viên trong lĩnh vực quản lý kinh tế, giảng viên đảm nhận công tác giảng dạy có liên quan đến các chính sách kinh tế, quản lý và lãnh đạo... tại các cơ sở giáo dục và đào tạo các cấp.

Sau khi tốt nghiệp học viên có thể có thể làm việc ở các Cục, Vụ, Viện về kinh tế của các Bộ, Ban, Ngành các cơ quan, tổ chức, phòng, ban ở trung ương và địa phương, các tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp và tổ chức nước ngoài.

*2.2.2. Cơ hội học tập sau khi tốt nghiệp*

Tiếp tục tham gia đào tạo ở bậc tiến sĩ trong và ngoài nước về ngành Quản lý kinh tế và các ngành có liên quan.

**3. Mục tiêu của chương trình đào tạo (Program Objectives - POs)**

***3.1. Mục tiêu chung***

Đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế nhằm trang bị cho học viên kiến thức tổng quát và chuyên sâu về kinh tế, quản lý, ứng dụng cho quản lý kinh tế ở tầm vi mô và vĩ mô, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế.

***3.2. Mục tiêu cụ thể***

- PO1: Có kiến thức chuyên sâu về kinh tế và quản lý để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; nắm vững các kiến thức liên ngành có liên quan;

- PO2: Có kỹ năng nghiên cứu độc lập và sáng tạo, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để giải quyết vấn đề chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý kinh tế nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế;

- PO3: Có khả năng đưa ra các sáng kiến và những kết luận quan trọng, dẫn dắt nhóm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn; có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm phục vụ tốt cho sự phát triển bền vững của xã hội và cộng đồng.

**4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes – PLOs)**

***4.1. Nội dung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

| **PLO** | **Mã PLOs** | **Mô tả** |
| --- | --- | --- |
| **PLO1:**  **PLO1:**  **Kiến thức** | PLO1.1 | Liên hệ được kiến thức sâu, rộng về lịch sử triết học, triết học Mác – Lênin vào công việc chuyên môn, nghề nghiệp và cuộc sống. |
| PLO1.2 | Nắm vững và vận dụng được kiến thức nâng cao về kinh tế, quản trị vào phân tích quyết định quản lý tổ chức, quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội. |
| PLO1.3 | Liên kết các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý kinh tế đểhoạch định và thực thi các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở phạm vi quốc gia, ngành kinh tế, vùng kinh tế, địa phương và doanh nghiệp. |
| PLO1.4 | Vận dụng kiến thức chuyên sâu về quản lý để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở phạm vi quốc gia, ngành kinh tế, vùng kinh tế, địa phương và doanh nghiệp; đồng thời đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề thực tiễn quản lý tổ chức và quản lý kinh tế. |
| **PLO2:**  **Kỹ năng** | PLO2.1 | Đạt chuẩn đầu ra Ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong công việc. |
| PLO2.2 | Có kỹ năng đánh giá được các tình huống phức tạp phát sinh, các vấn đề ưu tiên để đưa ra giải pháp xử lý một cách khoa học trong điều kiện môi trường thay đổi. |
| PLO2.3 | Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học một cách hiệu quả. |
| PLO2.4 | Có kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động nghề nghiệp chuyên nghiệp và hiện đại. |
| PLO2.5 | Có kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực nghề nghiệp. |
| **PLO3:  Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm** | PLO3.1 | Có năng lực đề xuất, lập luận, phản biện, bảo vệ quan điểm và chịu trách nhiệm với các sáng kiến mang tính chuyên gia, có giá trị trong thực tiễn quản lý tổ chức, quản lý kinh tế. |
| PLO3.2 | Có khả năng nhận định, đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; Dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn thuộc lĩnh vực quản lý kinh tế ở phạm vi quốc gia, ngành, vùng, địa phương và doanh nghiệp. |
| PLO3.3 | Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao, phù hợp với nhu cầu của thực tiễn quản lý kinh tế - xã hội. |

***4.2. Ma trận đáp ứng của chuẩn đầu ra với mục tiêu chương trình đào tạo, khung trình độ quốc gia và sứ mạng, tầm nhìn của Trường***

a) Ma trận đáp ứng của chuẩn đầu ra với mục tiêu cụ thể của chương trình đào tạo

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT) được cho trong Bảng 3. Có thể thấy rằng học viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

**Bảng 3: Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu cụ thể**  **của chương trình đào tạo** | | **Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | | |
| **PLO1.1** | **PLO1.2** | **PLO1.3** | **PLO**  **1.4** | **PLO2.1** | **PLO2.2** | **PLO2.3** | **PLO2.4** | **PLO**  **2.5** | **PLO 3.1** | **PLO3.2** | **PLO3.3** |
| PO1 | Học viên có kiến thức nâng cao về kinh tế; kiến thức tổng hợp, chuyên sâu và hiện đại trong lĩnh vực Quản lý kinh tế | x | x | x | x |  |  |  |  |  |  |  |  |
| PO2 | Cung cấp các kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra, ra quyết định trong các tổ chức có độ phức tạp cao, có tính liên ngành |  |  |  |  | x | x | x | x | x |  |  |  |
| PO3 | Nâng cao khả năng tư duy hệ thống, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong nghiên cứu cũng như thực hiện công tác Quản lý kinh tế một cách độc lập, sáng tạo |  |  |  |  |  |  |  |  |  | x | x | x |

b) Ma trận đáp ứng của chuẩn đầu ra chương trình đào tạo với yêu cầu chuẩn đầu ra trong Khung trình độ quốc gia (bậc 7) được thể hiện trong Bảng 4.

**Bảng 4: Quan hệ giữa chuẩn đầu ra CTĐT và yêu cầu CĐR trong**

**Khung trình độ quốc gia (bậc 7)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Khung trình độ quốc gia** | **Chuẩn đầu ra CTĐT thạc sĩ Quản lý**  **kinh tế** |
| ***Kiến thức*** |  |
| Kiến thức thực tế và lý thuyết sâu, rộng, tiên tiến, nắm vững các nguyên lý và học thuyết cơ bản trong lĩnh vực nghiên cứu thuộc chuyên ngành đào tạo | PLO1.1: Liên hệ được kiến thức sâu, rộng về lịch sử triết học, triết học Mác – Lênin vào công việc chuyên môn, nghề nghiệp và cuộc sống.  PLO1.2: Nắm vững và vận dụng được kiến thức nâng cao về kinh tế, quản trị vào phân tích quyết định quản lý tổ chức, quản lý nhà nước đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội. |
| Kiến thức liên ngành có liên quan | PLO1.3: Liên kết các kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý kinh tế đểhoạch định và thực thi các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở phạm vi quốc gia, ngành kinh tế, vùng kinh tế, địa phương và doanh nghiệp. |
| Kiến thức chung về quản trị và quản lý | PLO1.3: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về quản lý để lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội ở phạm vi quốc gia, ngành kinh tế, vùng kinh tế, địa phương và doanh nghiệp; đồng thời đánh giá, ra quyết định giải quyết các vấn đề thực tiễn quản lý tổ chức và quản lý kinh tế. |
| ***Kỹ năng*** |  |
| Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề một cách khoa học. | PLO2.1: Phân tích cơ sở dữ liệu thông tin để đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ Quản lý kinh tế một cách khoa học. |
| Có kỹ năng truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học với người cùng ngành và với những người khác. | PLO2.2: Truyền đạt tri thức dựa trên nghiên cứu, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học trong lĩnh vực Quản lý kinh tế. |
| Kỹ năng tổ chức, quản trị và quản lý các hoạt động nghề nghiệp tiên tiến. | PLO2.3: Đánh giá thực trạng công việc để nâng cao hiệu quả hoạt động Quản lý kinh tế trong các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức kinh tế, xã hội. |
| Kỹ năng nghiên cứu phát triển và sử dụng các công nghệ một cách sáng tạo trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp. | PLO2.4: Phát triển những giải pháp mới trong lĩnh vực Quản lý kinh tế. |
| Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. | PLO2.5: Sử dụng trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam phục vụ công tác chuyên môn. |
| ***Mức tự chủ và trách nhiệm*** |  |
| Nghiên cứu, đưa ra những sáng kiến quan trọng. | PLO3.1: Đề xuất các sáng kiến quan trọng trong Quản lý kinh tế tại đơn vị. |
| Thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác. | PLO3.2: Hướng dẫn người khác thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn về Quản lý kinh tế. |
| Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn. | PLO3.3: Đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ Quản lý kinh tế. |
| Quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn. | PL3.4: Thực hiện được các hoạt động quản lý, đánh giá và cải tiến chuyên môn nghề nghiệp Quản lý kinh tế. |

c) Ma trận đáp ứng củachuẩn đầu ra (CĐR) đối với các tiêu chuẩn và tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và nhu cầu của nhà sử dụng lao động

Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:

*Mức I (Introduction): Giới thiệu (làm quen)*

*Mức R (Reinforced): Tăng cường (củng cố)*

*Mức M (Master): Đáp ứng đầy đủ (chuyên sâu)*

**Bảng 5: Quan hệ giữa CĐR của CTĐT với chuẩn nghề nghiệp, tầm nhìn,**

**sứ mạng của Nhà trường và yêu cầu của nhà sử dụng lao động**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra CTĐT** | **Tầm nhìn, sứ mạng**  **của Nhà trường** | **Yêu cầu của nhà sử dụng lao động** |
| PLO1.1 | R | R |
| PLO1.2 | M | M |
| PLO1.3 | R | R |
| PLO1.4 | R | R |
| PLO2.1 | M | M |
| PLO2.2 | M | M |
| PLO2.3 | R | R |
| PLO2.4 | M | M |
| PLO2.5 | R | R |
| PLO3.1 | R | R |
| PLO3.2 | M | M |
| PLO3.3 | M | M |

**5. Đối tượng và tiêu chí tuyển sinh**

**6. Quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp**

***6.1. Quá trình đào tạo***

CTĐT thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế của trường ĐH Kinh tế và QTKD được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ cho phép người học linh hoạt trong kế hoạch học tập, từ đó có thể tốt nghiệp trong thời gian 1,5 - 2 năm đối với hình thức đào tạo chính quy và 2 - 2,5 năm đối với hình thức VLVH, tổng số tín chỉ của CTĐT là 60 tín chỉ. Quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Thái Nguyên và trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh. Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính.

***6.2. Điều kiện tốt nghiệp***

Để được xét tốt nghiệp, học viên phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn quy định tại Khoản 2 Điều 27 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30/7/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên.

2. Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên.

3. Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng hoặc xác nhận của người có thẩm quyền được Hiệu trưởng giao nhiệm vụ về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản báo cáo giải trình, bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 33 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 1131/QĐ-ĐHTN ngày 30/7/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên.

4. Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của Nhà trường và Trung tâm Học liệu thuộc ĐHTN.

**7. Chương trình dạy học**

***7.1. Cấu trúc chương trình dạy học và kế hoạch giảng dạy***

*7.1.1. Cấu trúc chương trình dạy học*

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ gồm ba phần: Kiến thức chung, kiến thức cơ sở và chuyên ngành, luận văn thạc sĩ. Trong đó phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 6.

**Bảng 6: Các khối kiến thức và số tín chỉ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương trình dạy học** | **Số tín chỉ** | |
| **Bắt buộc** | **Tự chọn** |
| I | Kiến thức cơ bản | 12 | 0 |
| II | Kiến thức ngành | 15 | 6 |
| III | Kiến thức chuyên ngành | 18 | 6 |
| IV | Thực tập và Đề án tốt nghiệp | 15 | 0 |

Các khối kiến thức được thiết kế nhằm đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT, được thể hiện trong Bảng 7.

**Bảng 7: Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Khối kiến thức** | **Số tín chỉ** | **Tỷ lệ (%)** | **PLOs** | | | | | | | | | | | |
| 1.1 | 1.2 | 1.3 | 2.1 | 2.2 | 2.3 | 2.4 | 2.5 | 3.1 | 3.2 | 3.3 | 3.4 |
| I | Kiến thức cơ bản | 12 | 20 | x | x |  | x | x |  |  | x | x |  | x |  |
| II | Kiến thức ngành | 15 | 25 |  | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| III | Kiến thức chuyên ngành | 18 | 30 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| IV | Thực tập và Đề án tốt nghiệp | 15 | 25 | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
|  | **Tổng** | **60** | **100** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Danh sách các học phần trong chương trình dạy học phân theo khối kiến thức cụ thể như sau:

**Bảng 8: Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Mã học phần** | **Tên học phần** | **STC** |
| **I** | **KIẾN THỨC CƠ BẢN** | | **12** |
| 1 | PHI 641 | Triết học | 4 |
| 2 | ENG 651 | Tiếng Anh | 5 |
| 3 | MSR 631 | Phương pháp NCKH | 3 |
| **II** | **KIẾN THỨC NGÀNH** |  | **15** |
|  | **Các học phần bắt buộc** | | **9** |
| 4 | APE 631 | Kinh tế học nâng cao | 3 |
| 5 | MAN 631 | Quản trị học nâng cao | 3 |
| 6 | SME 631 | Quản lý nhà nước về kinh tế | 3 |
|  | **Các học phần tự chọn (chọn 2 học phần)** | | **6** |
| 7,8 | INE 631 | Kinh tế quốc tế | 3 |
| ECL 631 | Luật kinh tế nâng cao | 3 |
| MAR 631 | Marketing | 3 |
| DEE 631 | Kinh tế phát triển nâng cao | 3 |
| SCL 631 | Lãnh đạo học | 3 |
| MAS 631 | Khoa học quản lý | 3 |
| ECO 631 | Kinh tế lượng ứng dụng | 3 |
| BAF 631 | Tài chính ngân hàng | 3 |
| ECS 631 | Thống kê trong kinh tế | 3 |
| **III** | **KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH** | | **18** |
|  | **Các học phần bắt buộc** | | **12** |
| 9 | ECM 631 | Quản lý kinh tế | 3 |
| 10 | EPA 631 | Phân tích chính sách kinh tế | 3 |
| 11 | PUM 631 | Quản lý công | 3 |
| 12 | MLD 631 | Quản lý phát triển địa phương | 3 |
|  | **Các học phần tự chọn (chọn 2 học phần)** | | **6** |
| 13,14 | MAP 631 | Tâm lý học quản lý kinh tế | 3 |
| MAA 631 | Kế toán quản trị | 3 |
| PRM 631 | Quản lý dự án | 3 |
| PFM 631 | Quản lý tài chính công | 3 |
| MHR 631 | Quản trị nguồn nhân lực | 3 |
| RMC 631 | Quản lý rủi ro và khủng hoảng | 3 |
| STM 631 | Quản lý khoa học và công nghệ | 3 |
| **IV** |  | **THỰC TẬP VÀ LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP** | **15** |
|  |  | Chuyên đề thực tế 1 (tự chọn) | 3 |
|  |  | Chuyên đề thực tế 2 (tự chọn) | 3 |
|  | GEM 907 | Luận văn tốt nghiệp | 9 |
| **TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA** | | | **60** |

*7.1.2. Kế hoạch giảng dạy*

Trình tự nội dung chương trình và bản đồ chương trình dạy học được thể hiện trong Sơ đồ 1 dưới đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm thứ nhất** | | | |
| **Học kỳ 1** | | **Học kỳ 2** | |
| **Học phần và mã học phần** | **Số tín chỉ** | **Học phần và mã học phần** | **Số tín chỉ** |
| - Bắt buộc  + Triết học – PHI641  + Tiếng Anh – ENG651  + Phương pháp NCKH - RMA631 | 4  5  3  **12** | - Bắt buộc  + Kinh tế học NC – APE 631  + Quản trị học n. cao – MAN 631  + Quản lý NN kinh tế SME 631  - Tự chọn  + Học phần 1 (Kiến thức ngành)  + Học phần 2 (Kiến thức ngành) | 3  3  3  3  3  **15** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm thứ hai** | | | |
| **Học kỳ 1** | | **Học kỳ 2** | |
| **Học phần và mã học phần** | **Số tín chỉ** | **Thực hiện luận văn thạc sĩ** | **Số tín chỉ** |
| - Bắt buộc  + Quản lý kinh tế – ECM 631  + Phân tích CSKT – EPA631  + Quản lý công - PUM 631  + QL phát triển địa phương – MLD 631  - Tự chọn  + Học phần 1 (Kiến thức chuyên ngành)  + Học phần 2 (Kiến thức chuyên ngành) | 3  3  3  3  3  3  **15** | Chuyên đề thực tế 1  Chuyên đề thực tế 2  Đề án tốt nghiệp ACC 907 | 3  3  9  **15** |

**Tốt nghiệp**

**Sơ đồ 1: Bản đồ chương trình dạy học ngành thạc sĩ Quản lý kinh tế**

Kế hoạch giảng dạy đối với CTĐT thạc sĩ ngành Quản lý kinh tế như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Học kỳ** | **Tổng số tín chỉ** | **Học phần** | **Mã học phần** | **Số**  **tín chỉ** | **Điều kiện** | | | |
| **Bắt buộc** | **Tự chọn** | **Tiên quyết** | **Học trước** |
| 1 | 12 | Triết học | PHI 641 | 4 | x |  |  |  |
| Tiếng Anh | ENG 651 | 5 | x |  |  |  |
| Phương pháp NCKH | MSR 631 | 3 | x |  |  |  |
| 2 | 15 | Kinh tế học nâng cao | AAT 631 | 3 | x |  |  |  |
| Quản trị học nâng cao | AUT 631 | 3 | x |  |  |  |
| Quản lý NN về kinh tế | AAI 631 | 3 | x |  |  |  |
| Học phần tự chọn 1 (Kiến thức ngành) |  | 3 |  | x |  |  |
| Học phần tự chọn 2 (Kiến thức ngành) |  | 3 |  | x |  |  |
| 3 | 18 | Quản lý kinh tế | ECM 631 | 3 | x |  |  | x |
| Phân tích chính sách KT | EPA 631 | 3 | x |  |  |  |
| Quản lý công | PUM 631 | 3 | x |  |  |  |
| Quản lý PT địa phương | MLD 631 | 3 | x |  |  |  |
| Học phần tự chọn 1 (kiến thức chuyên ngành) |  | 3 |  | x |  |  |
| Học phần tự chọn 2 (Kiến thức chuyên ngành) |  | 3 |  | x |  |  |
| 4 | 15 | Chuyên đề thực tế 1 |  | 3 | x |  |  |  |
| Chuyên đề thực tế 2 |  | 3 | x |  |  |  |
| Luận văn tốt nghiệp | GEM 907 | 9 | x |  |  |  |

*Ghi chú:*

Học phần Quản lý kinh tế là học phần tiên quyết mà người học ngành thạc sĩ Quản lý kinh tế phải tích lũy đạt yêu cầu để đăng ký học các học phần Quản lý công, Quản lý phát triển địa phương.

***7.2.* *Ma trận đáp ứng giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

*Lưu ý: Trong CTĐT có các học phần tự chọn đã được phân nhóm theo tổ hợp dựa trên tính tương đồng giữa các học phần, vì vậy nên xác định mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra đặc trưng chung cho nhóm.*

Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được thể hiện trong bảng 9.

**Bảng 9: Ma trận đáp ứng giữa các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO 1.1 | PLO 1.2 | PLO 1.3 | PLO 1.4 | PLO 2.1 | PLO 2.2 | PLO 2.3 | PLO 2.4 | PLO 2.5 | PLO 3.1 | PLO 3.2 | PLO 3.3 |
| Triết học | R | R | R |  | M | M |  |  |  |  |  | M |
| Tiếng Anh |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |
| Phương pháp nghiên cứu khoa học |  | M | R | M | R | R |  |  |  |  |  | I |
| Kinh tế học nâng cao | M | M | M | M | M | M | M | M | R | M | M | M |
| Quản trị học nâng cao |  | R |  | R | R | R | R | R | M | M | M |  |
| Quản lý nhà nước về kinh tế |  | R | M | M |  | R | M |  | R |  | R | M |
| Kinh tế quốc tế |  |  | M |  |  | M |  |  |  |  |  | M |
| Luật kinh tế nâng cao | I | R | M |  | M | R |  |  |  |  |  |  |
| Marketing | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | I |
| Kinh tế phát triển nâng cao |  | M |  | M |  | M |  |  | M | M |  |  |
| Lãnh đạo học |  | R |  | R |  | M |  |  |  |  | M | R |
| Khoa học quản lý | M |  | M | M | M |  | M |  |  | R |  |  |
| Kinh tế lượng ứng dụng | M |  | M |  |  | M |  |  | R |  |  |  |
| Tài chính ngân hàng |  | M | M | R | R | M |  |  |  | M | M |  |
|  | PLO 1.1 | PLO 1.2 | PLO 1.3 | PLO 2.1 | PLO 2.2 | PLO 2.3 | PLO 2.4 | PLO 2.5 | PLO 3.1 | PLO 3.2 | PLO 3.3 | PLO 3.4 |
| Thống kê trong kinh tế |  | R |  | M |  | M |  |  | M |  |  | M |
| Quản lý kinh tế |  | R | M |  | M | M |  |  |  | M | M | M |
| Phân tích chính sách kinh tế |  | M | M | M |  | M |  |  | M |  | M | M |
| Quản lý công |  | R | M | M | M |  |  |  |  | M | M | M |
| Quản lý phát triển địa phương | M | M | M |  |  | R |  |  | R |  | I | I |
| Tâm lý học quản lý kinh tế |  | R | M | M | R | M |  |  | R | R | M |  |
| Kế toán quản trị |  | M | R | M | R |  |  |  | R |  | I |  |
| Quản lý dự án | M | M |  | R |  | R | M |  |  | R | M | M |
| Quản lý tài chính công |  | R | M | M | R | M |  |  | R | R | M |  |
| Quản trị nguồn nhân lực |  | M | M | M |  | M |  |  | M |  | M | M |
| Quản lý rủi ro và khủng hoảng |  | R | M | M | R | M |  |  | R | R | M |  |
| Quản lý khoa học và công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Chuyên đề thực tế 1 | R | M | M | M | R | M |  | R | M | M | R | M |
| Chuyên đề thực tế 2 | R | M | M | M | R | M |  |  | M |  | R | R |
| Luận văn tốt nghiệp | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M |

***7.3.* *Mô tả các học phần trong chương trình dạy học***

***7.3.1. Học phần 1: Triết học***

Số tín chỉ: 04 tín chỉ (3/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Chương trình môn Triết học Mác - Lênin có 8 chương thông qua đó nhằm giới thiệu khái luận về triết học, các nội dung cơ bản thuộc về thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật và quan điểm duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin thông qua những nguyên lý, quy luật, phạm trù cơ bản. Qua học tập, nghiên cứu học phần triết học trang bị cho học viên thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật giúp học viên có thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cách mạng, nâng cao trình độ tự giác trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, trau dồi phẩm chất chính trị, tinh thần và năng lực tư duy sáng tạo.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  **(Goals)** | **Mô tả**  **(Goal description)** | **Chuẩn đầu ra**  **CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| CO1 | Nắm được khái quát về đặc điểm, nội dung lịch sử triết học phương Đông, phương Tây và triết học Mác – Lênin; Hiểu được các nội dung nâng cao về triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay giúp học viên trang bị thế giới quan duy vật biện chứng, phương pháp luận biện chứng duy vật vững vàng lập trường, quan điểm của chủ nghĩa chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản Việt Nam nhận thức và giải quyết những vấn đề kinh tế - chính trị - văn hóa – xã hội trong thực tiễn. | PLO1.1  PLO1.2  PLO1.3 | 3 |
| CO2 | Củng cố và tiếp tục rèn luyện khả năng tư duy logic, biện chứng; vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác- Lênin vào hoạt động nhận thức và thực tiễn; củng cố và tiếp tục xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. | PLO2.2  PLO2.3 | 4 |
| CO3 | Tôn trọng quy luật khách quan trong nhận thức và hoạt động thực tiễn, phát huy vai trò của nhân tố chủ quan; hình thành niềm tin, xác lập cơ sở lý luận đúng đắn, khoa học về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; xây dựng lối sống đẹp, đạo đức trong sáng. | PLO3.3  PLO3.4 | 5 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **­Chuẩn đầu ra HP** | | **Mô tả** | **Chuẩn đầu ra CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **Sau khi học xong môn học này, người học có thể:** |
| **CLO1** | **CLO1.1** | Trình bày được kiến thức về: Vấn đề cơ bản của triết học, sự hình thành và phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử, triết học và vai trò của nó trong đời sống xã hội, sự kế thừa, phát triển và vận dụng triết học Mác – Lênin trong thực tiễn cách mạng Việt Nam. | PL01.1 | 3 |
| **CLO1.2** | Hiểu được vấn đề bản thể luận trong lịch sử triết học và triết học Mác – Lênin hình thành thế giới quan duy vật khoa học. | PLO1.1 | 3 |
| **CLO1.3** | Hiểu sâu kiến thức về: phép biện chứng, nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật bao gồm các nguyên lý, quy luật và phạm trù cơ bản; lý luận nhận thức duy vật biện chứng nhằm hình thành phương pháp luận biện chứng duy vật và vận dụng sáng tạo phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam hiện nay. | PLO1.1  PLO1.2  PLO1.3 | 3 |
| **CLO1.4** | Hiểu và đánh giá được nội dung, giá trị khoa học cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế xã hội; vấn đề triết học chính trị; mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, vấn đề con người trong triết học Mác - Lênin và vận dụng sáng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng giải quyết các vấn đề kinh tế - chính trị - văn hóa – xã hội trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. | PLO1.1  PLO1.2  PLO1.3 | 3 |
| **CLO2** | **CLO2.1** | Nâng cao năng lực tư duy logic, hệ thống về kiến thức lịch sử triết học và triết học Mác - Lênin. | PLO2.2  PLO2.3 | 4 |
| **CLO2.2** | Phát triển năng lực tư duy biện chứng về hình thành thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. | PLO2.2  PLO2.3 | 4 |
| **CLO2.3** | Khả năng nhận thức, phản biện và vận dụng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật giải quyết các vấn đề trong nhận thức và hoạt động kinh tế - chính trị - văn hóa – xã hội trong thực tiễn. | PLO2.2  PLO2.3 | 4 |
| **CLO3** | **CLO3.1** | Tôn trọng lịch sử, biết kế thừa tư tưởng lịch sử triết học có giá trị trong nhận thức và hoạt động thực tiễn. | PLO3.4 | 5 |
| **CLO3.2** | Tôn trọng hiện thực khách quan, phát huy tính năng động sáng tạo của nhân tố chủ quan, vận dụng quy luật khách quan của phép biện chứng duy vật trong nhận thức, hoạt động thực tiễn và sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. | PLO3.4 | 5 |
| **CLO3.3** | Nhận diện, luận giải, phản biện các vấn đề kinh tế - chính trị - văn hóa – xã hội trên lập trường của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng đạo đức nghề nghiệp chuyên môn gắn với hoạt động kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay. | PLO3.4 | 5 |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CĐR CTĐT  CĐR học phần | | PLO  1.1 | PLO  1.2 | PLO  1.3 | PLO  1.4 | PLO  2.1 | PLO  2.2 | PLO  2.3 | PLO  2.4 | PLO  2.5 | PLO  3.1 | PLO  3.2 | PLO  3.3 |
| CLO1 | CLO1.1 | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.2 | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.3 | R | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO1.4 | R | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 | CLO2.1 |  |  |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.2 |  |  |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO2.3 |  |  |  |  | M | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 | CLO3.1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| CLO3.2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| CLO3.3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |

***7.3.2. Học phần 2: Tiếng Anh***

Số tín chỉ: 05 tín chỉ (3/2) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Tiếng Anh cao học là học phần kiến thức chung được xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu về xây dựng khung chương trình theo chuẩn đầu ra B4 (bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) áp dụng đối với học viên cao học. Do vậy, giáo trình chính được sử dụng trong học phần tích hợp đủ bốn kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết. Các chủ điểm quen thuộc đều được đề cập như bản thân, sở thích, môi trường, công việc, sức khỏe… Trên cơ sở đó, có sự tích hợp các giáo trình khác nhằm bổ trợ cho học viên kiến thức của bài thi Vstep, nhằm đánh giá năng lực bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho VN.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu *(Goals)*** | **Mô tả**  ***(Goal description)***  ***Học phần này trang bị cho học viên*** | **Chuẩn đầu ra**  **CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **CO1** | - Nắm được những kiến thức ngôn ngữ cơ bản về phạm trù từ vựng, ngữ pháp liên quan đến các chủ đề giao tiếp được giới thiệu trong các bài học.  - Hiểu và vận dụng được các kiến thức và kỹ năng đã học trong giao tiếp sử dụng tiếng Anh ở trình độ trung cấp.  - Có thể vận dụng các kiến thức và kĩ năng đã học để hoàn thành bài thi năng lực tiếng Anh chuẩn đầu ra bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. | *PLO2.5 Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế* | 3, 4 |
| **CO2** | - Phát triển kĩ năng mềm cần thiết cho quá trình công tác trong các lĩnh vực chuyên môn. | *PLO2.5 Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế* | 4 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  ***Sau khi học xong môn này, người học có thể*** | **Chuẩn đầu ra CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| **CLO1** | - Nắm được những kiến thức thức từ vựng, ngữ pháp cần thiết cho các hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh trong thực tế đời sống, học tập và công việc.  - Có thể vận dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào các tình huống giao tiếp thực tế quen thuộc liên quan đến cá nhân, học tập và công việc chuyên môn. Cụ thể:  - Hội thoại trực tiếp được bằng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp và trình bày được quan điểm cá nhân về các chủ điểm ở bậc trung cấp.  - Có khả năng thuyết trình bằng tiếng Anh về các chủ đề được cung cấp.  - Nghe hiểu được các giao tiếp bằng tiếng Anh trực tiếp hoặc qua các thiết bị thu phát, nghe được những bài nói chuyện, bài giảng, thuyết trình ở trình độ trung cấp.  - Đọc được những bài báo, báo cáo, thư tín thương mại, các văn bản ở trình độ trung cấp.  - Viết được những văn bản ngắn trong giao tiếp thông thường như email, lời nhắn, ghi chú, thư từ trao đổi cá nhân, đoạn văn ngắn và biết cách hoàn thành các bài luận mang tính học thuật. | *PLO2.5 Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế* | 3, 4 |
|  | - Có thể vận dụng linh hoạt kĩ năng làm bài thi được giới thiệu trong chương trình vào quá trình làm bài thi đánh giá năng lực ngoại ngữ để đáp ứng chuẩn đầu ra theo quy định. |  |
| **CLO2** | - Phát triển kĩ năng giao tiếp, thuyết trình.  - Phát triển kĩ năng làm việc nhóm.  - Củng cố tư duy phân tích, phản biện.  - Phát triển năng lực làm việc độc lập, có nhận thức về tinh thần trách nhiệm. | *PLO2.5 Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế* | 4 |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |
| --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT** |
| *PLO2* |
| **2.5** |
| CLO1 | M |
| CLO2 | R |

***7.3.3. Học phần 3: Phương pháp nghiên cứu khoa học***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần:*** Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành đào tạo thạc sỹ Quản lý kinh tế, nhằm giới thiệu cho học viên những vấn đề lý luận về phương pháp nghiên cứu trong Quản lý kinh tế nhằm giúp người học có hiểu biết về việc thực hiện một nghiên cứu khoa học. Học phần này giúp người học (i) trình bày những kiến thức tổng quan về nghiên cứu khoa học, cách hình thành ý tưởng nghiên cứu, xác định vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu, (ii) các đo lường trong nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu, thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu, (iii) giới thiệu cách xây dựng một đề cương nghiên cứu, cách viết và trình bày báo cáo nghiên cứu khoa học. Đây là những kiến thức mà học viên đại học chuyên ngành Quản lý kinh tế chưa được đề cập đến hoặc đề cập chưa sâu trong chương trình đào tạo Quản lý kinh tế tại các trường đại học ở Việt Nam.

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Có kiến thức lý thuyết và nhận diện được các loại nghiên cứu khoa học, vấn đề cần nghiên cứu và quy trình nghiên cứu | PLO1.2 |
| **CO2** | Có kiến thức và nắm vững các yêu cầu nghiên cứu trong chuyên đề, tiểu luận và luận văn tốt nghiệp của học viên cao học ngành Quản lý kinh tế, Kiểm toán. | PLO1.2; PLO1.3 |
| **CO3** | Có kiến thức và nắm vững phương pháp trình bày mục tiêu, giả thuyết, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu. | PLO1.2; PLO1.3 |
| **CO4** | Phân tích số liệu và giải thích kết quả nghiên cứu | PLO2.1; PLO2.3 |
| **CO5** | Phát triển các kỹ năng về tổ chức thực hiện công việc và kỹ năng làm việc nhóm | PLO2.2 |
| **CO6** | Hành xử chuyên nghiệp, có trách nhiệm và tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp | PLO3.4 |

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Xác định các vấn đề nghiên cứu |
| **CLO2** | Viết được đề cương nghiên cứu trong chuyên đề ngành, tiểu luận, luận văn tốt nghiệp và các đề tài nghiên cứu khoa học |
| **CLO3** | Thu thập, xử lý số liệu |
| **CLO4** | Trình bày được các kết quả nghiên cứu |
| **CLO5** | Tổ chức hoạt động nghiên cứu |
| **CLO6** | Phát triển được các kỹ năng về tổ chức thực hiện công việc, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng nắng nghe, kỹ năng giao tiếp và ứng xử |
| **CLO7** | Làm việc hiệu quả nhóm |
| **CLO8** | Có bản lĩnh, tự tin nhiệt tình, đam mê nghề nghiệp, có khả năng thích nghi đối với sự thay đổi, sãn sàng làm việc độc lập, làm việc với người khác có khả năng tiếp thu và bảo vệ quan điểm |
| **CLO9** | Trung thực trách nhiệm, tin cậy, tỉ mỉ, nguyên tắc, hành xử chuyên nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp. |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **PLO1.2** | **PLO1.3** | **PLO2.1** | **PLO2.2** | **PLO2.3** | **PLO3.3** |
| **CLO1** | M | R | R | R | R | I |
| **CLO2** | M | R | R | R | R | I |
| **CLO3** | M | R | R | I | R | I |
| **CLO4** | M | R | R | R | R | I |
| **CLO5** | M | R | M | R | R | I |
| **CLO6** | M | R | R | R | R | I |
| **CLO7** | R | R | R | R | R | I |
| **CLO8** | M | R | R | R | R | I |
| **CLO9** | M | R | R | R | R | I |

***7.3.4. Học phần 4: Kinh tế học nâng cao***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Mô tả học phần:***

Học phần Kinh tế học nâng cao thuộc khối kiến thức ngành nhằm giới thiệu cho học viên một số chủ đề quan trọng trong kinh tế học hiện đại, gắn với các vấn đề thực tế mang tính thời sự như sự lựa chọn tối ưu, chống độc quyền, thúc đẩy cạnh tranh, hoàn thiện môi trường kinh doanh, khuyến khích tiết kiệm, đầu tư, các chính sách kinh tế vĩ mô về ổn định giá cả, gia tăng sản lượng, năng suất lao động, giải quyết việc làm,... nhằm đảm bảo tăng trưởng và phát triển kinh tế nhanh và bền vững của địa phương, vùng và của toàn bộ nền kinh tế, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội trong thời kỳ mới.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Các lý thuyết, các nguyên lý kinh tế hiện đại để phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô. | PLO1.2 |
| **CO2** | Kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp ra quyết định trong lập kế hoạch, quản lý và tổ chức sản xuất kinh doanh và thực thi các chính sách kinh tế - xã hội ở các cấp độ khác nhau. | PLO2.1 |
| **CO3** | Làm chủ được kỹ năng lãnh đạo và năng lực làm việc độc lập trong các tổ chức kinh tế và cơ quan quản lý các cấp | PLO3.1 |
| **CO4** | Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm có hiệu quả; Khả năng tư duy sáng tạo, khoa học; Khả năng tự định hướng, thích ứng với môi trường nghề nghiệp. | PLO3.1 |
| **CO5** | Thích nghi, tự định hướng, đưa ra kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế, bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn. | PLO3.1 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **PLO1.2** | - Hiểu, giải thích được những vấn đề lí luận và thực tiễn như sự lựa chọn tối ưu, sức mạnh thị trường, sự đa dạng của các thị trường, hoạt động của thị trường các yếu tố đầu vào, hoàn thiện môi trường kinh doanh, khuyến khích tiết kiệm, đầu tư, các chính sách kinh tế vĩ mô về ổn định giá cả, gia tăng sản lượng, năng suất lao động, giải quyết việc làm, tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững;  - Vận dụng các kiến thức chuyên môn vào việc tổng hợp ra quyết định trong lập kế hoạch, quản lý và tổ chức sản xuất kinh doanh và thực thi các chính sách kinh tế - xã hội ở các cấp độ khác nhau; |
| **PLO2.1** | - Phân tích, đánh giá, tổng hợp và hoạch định chính sách kinh tế ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô. |
| **PLO3.1** | - Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, luôn chủ động, sáng tạo trong công việc. Khả năng tư duy sáng tạo, khoa học. Khả năng tự định hướng, thích ứng với môi trường nghề nghiệp;  - Có năng lực thích nghi, tự định hướng, đưa ra kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế. |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | PLO1.2 | PLO2.1 | PLO3.1 |
| CO1 | M |  |  |
| CO2 | M | R |  |
| CO3 |  |  | R |
| CO4 |  |  | R |
| CO5 |  |  | R |

***7.3.5. Học phần 5: Quản trị học nâng cao***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Mô tả học phần:***

Học phần Quản trị học nâng cao thuộc CTĐT thạc sỹ QLKT nhằm giới thiệu cho học viên kiến thức về quản trị các hoạt động của một tổ chức nhằm đạt hiệu quả cao trong việc thực hiện mục tiêu chung. Giúp học viên có khả năng phân tích tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức đã học để xây dựng chính sách phát triển của tổ chức thông qua các chức năng của hoạt động quản trị.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **CTĐT thạc sỹ QLKT** | **Trình độ năng lực** |
| CO1 | Kiến thức nâng cao về quản trị tổ chức, có khả năng tự cập nhật, trang bị cho mình những phương pháp khoa học, quan điểm khoa học trong giải quyết các vấn đề của quản trị tổ chức, có tư duy phản biện, có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới trong lĩnh vực này. | PLO1: 1.2; 1.3 | 4 |
| CO2 | Kỹ năng phân tích, lập luận và vận dụng các công cụ quản trị cơ bản để giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức nói chung | PLO2: 2.1; 2.4 | 4 |
| CO3 | Có khả năng đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn. | PLO3: 3.2; 3.3 | 4 |

***CĐR của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mô tả**  *Sau khi học xong học phần này, người học có thể:* | **CTĐT thạc sỹ QLKT** | **Trình độ năng lực** |
| CLO1 | Trình bày được những vấn đề cơ bản có tính tổng quan về quản trị trong các tổ chức, quá trình ra quyết định trong quản trị tổ chức, quản trị sự thay đổi và đổi mới, truyền thông, quản trị xung đột và lãnh đạo nhóm làm việc trong tổ chức | PLO1: 1.2; 1.3 | 4 |
| CLO2 | Kỹ năng tư duy hệ thống về các vấn đề quản trị trong tổ chức, xây dựng kế hoạch, lựa chọn cơ cấu tổ chức và lãnh đạo hiệu quả con người trong tổ chức. | PLO2: 2.1; 2.4 | 4 |
| CLO3 | Áp dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để ra quyết định trong một số các tình huống liên quan đến các chức năng của nhà quản trị. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề quản trị trong tổ chức | PLO2: 3.1 | 4 |
| CLO4 | Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực quản trị, quản lý; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Có khả năng tự chủ, tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; | PLO3: 3.2 | 4 |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT Quản lý kinh tế***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT Quản lý kinh tế** | | | | | | | | | | | | |
| **PLO1** | | | | **PLO2** | | | | | | **PLO3** | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **1.4** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | | **2.4** | **2.5** | **3.1** | **3.2** | **3.3** |
| CLO1 |  | R | M |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  | M |  |  | | M |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  | |  |  | M |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  | M |  |

***7.3.6. Học phần 6: Quản lý nhà nước về kinh tế***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần tập trung vào việc nghiên cứu vai trò, chức năng của nhà nước trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay theo quan điểm chiến lược của Đảng. Thông qua việc tìm hiểu thực trạng của nền kinh tế, đề xuất các biện pháp để đổi mới các công cụ chính sách, pháp luật, kế hoạch, phương pháp quản lý, mục tiêu, chức năng của nhà nước cho phù hợp với sự biến đổi của nền kinh tế. Tìm hiểu về bộ máy, đội ngũ cán bộ cũng như các nguyên tắc, tiêu chuẩn trong tổ chức bộ máy và hoạt động của các cơ quan và cán bộ công chức trong hoạt động quản lý nhà nước.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT QLKT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Nhận thức được bản chất của nhà nước và tầm quan trọng của nhà nước đối với xã hội nói chung và nền kinh tế nói riêng; Nhận biết được những công cụ, phương pháp, mục tiêu,chức năng cũng như các quy luật cơ bản trong nền kinh tế; Nhận biết được các loại thông tin, quyết định và các hình thức kiểm tra giám sát của nhà nước đối với hoạt động Quản lý nhà nước về kinh tế. | POL1: 1.2; 1.3 |
| **CO2** | Kỹ năng phân tích, lập luận và vận dụng các công cụ, phương pháp quản lý cơ bản để giải quyết các vấn đề quản lý trong tổ chức nói chung. | POL2: 2.1 |
| **CO3** | Thông qua việc tìm hiểu môn học, người học sẽ có những hiểu biết nhất định về các hình thức quản lý vĩ mô của nhà nước, qua đó định hướng các hoạt động trong tương lai để tạo nên sự phù hợp với cơ chế hiện hành. Hình thành nên một tư duy khoa học mới khi xem xét các sự vật, hiện tượng. Nó không tách rời, biệt lập mà luôn có sự tác động qua lại với các sự vật và hiện tượng khác. | POL3: 3.1 |

***CĐR của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Nhận biết được sự tồn tại của các quy luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam cũng như sự tác động của chúng. Vận dụng những kiến thức, hiểu biết vào thực tiễn xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế, bao gồm: cải tiến các công cụ, phương pháp, mục tiêu, chức năng, hệ thống thông tin, quyết định cũng như các công cụ kiểm soát nền kinh tế. |
| **CLO2** | Áp dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để ra quyết định trong một số các tình huống liên quan đến quản lý nhà nước về kinh tế. |
| **CLO3** | Có khả năng làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế. |
| **CLO4** | Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý nhà nước về kinh tế; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Có khả năng tự chủ, tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT QLKT***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **3.1** |
| **CLO1** | M |  |  |  |
| **CLO2** |  | M |  |  |
| **CLO3** |  |  | M |  |
| **CLO4** |  |  |  | R |

***7.3.7. Học phần 7: Kinh tế quốc tế***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Môn học Kinh tế quốc tế cung cấp cho học viên kiến thức về bản chất của quá trình toàn cầu hóa, thị trường quốc tế cạnh tranh không hoàn hảo, sự phân phối của lợi thế từ thương mại quốc tế, năng lực cạnh tranh quốc tế, cân bằng kinh tế bên ngoài và ý nghĩa của nó trong nền kinh tế toàn cầu đương đại, cơ chế điều chỉnh tự động, chính sách điều chỉnh, ảnh hưởng của toàn cầu hóa thị trường tài chính và các lựa chọn hợp tác trong PT kinh tế.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho người học:* | **CĐR CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| CO1 | Hiểu sâu bản chất của các lý thuyết truyền thống và hiện đại về thương mại quốc tế; sự phân bổ nguồn lực quốc tế phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế xã hội của các quốc gia trên thế giới; Hiểu rõ cơ sở khoa học và thực tiễn của các chính sách mà chính phủ áp dụng trong lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế của mỗi quốc gia. | 1.2  1.3 | 3 |
| CO2 | Vận dụng những lý thuyết về quan hệ kinh tế quốc tế của các quốc gia trên thế giới vào việc nhận thức, phân tích, tham gia xây dựng và hoạch định được chính sách kinh tế đối ngoại của quốc gia cũng như đánh giá được sự tác động của nền kinh tế thế giới đến các lĩnh vực quan hệ kinh tế quốc tế của mỗi quốc gia. | 2.1  2.3 | 4 |
| CO3 | Hình thành định hướng nghiên cứu sâu về các lĩnh vực trong quan hệ kinh tế quốc tế; phân tích tình hình kinh tế thế giới | 3.3 | 4 |

***CĐR của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mô tả**  *Sau khi học xong học phần này, người học có thể:* | **CĐR CTĐT** | **Trình độ năng lực** |
| CLO1 | Hiểu đầy đủ bản chất, hậu quả và các mối đe dọa xuất phát từ toàn cầu hóa; Đánh giá được tác động của cạnh tranh độc quyền dựa trên các kiến thức đã tiếp thu; Nhận thức và hiểu sâu sắc được sự gia tăng tầm quan trọng của các tập đoàn xuyên quốc gia đối với thương mại quốc tế và lựa chọn chính sách kinh tế. | 1.2 | 3 |
| CLO2 | Phân tích được vai trò của thương mại quốc tế trong việc làm sâu sắc hơn hay thu hẹp sự khác biệt về tăng trưởng kinh tế giữa các quốc gia; Phân tích khía cạnh tài chính của hợp tác kinh tế quốc tế. | 1.3 | 3 |
| CLO3 | Đánh giá đúng tầm quan trọng của năng lực cạnh tranh quốc tế; Đánh giá cao vai trò của việc khôi phục sự cân bằng bên ngoài trong việc đạt được lợi ích từ hợp tác kinh tế quốc tế. | 2.1 | 4 |
| CLO4 | Xác định các mối đe dọa xuất phát từ các cuộc khủng hoảng tài chính; Đánh giá đúng ý nghĩa của hợp tác quốc tế, bao gồm điều phối quốc tế về chính sách kinh tế, nhằm loại bỏ các mối đe dọa từ các cuộc khủng hoảng toàn cầu. | 2.3 | 4 |
| CLO5 | Có khả năng tự định hướng, tự nghiên cứu; Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các kế hoạch trong lĩnh vực kinh tế xã hội. | 3.3 | 4 |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT Quản lý kinh tế***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT** | | | | | | | | | | | |
| **PLO1** | | | | **PLO2** | | | | | **PLO3** | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **1.4** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **2.4** | **2.5** | **3.1** | **3.2** | **3.3** |
| CLO1 |  | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |

***7.3.8. Học phần 8: Luật kinh tế***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Luật Kinh tế là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế định hướng ứng dụng. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao về Luật Kinh tế ở Việt Nam; việc sử dụng công cụ pháp luật trong quản lý, vận hành doanh nghiệp; địa vị pháp lý của các doanh nghiệp và các chủ thể kinh doanh khác trong nền kinh tế; Các vấn đề pháp lý về hợp đồng trong hoạt động kinh doanh thương mại; các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại; các vấn đề cơ bản về phá sản doanh nghiệp.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Hiểu và phân tích và vận dụng được những kiến thức về chính sách, pháp luật kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | PLO1.2 |
| **CO2** | Kỹ năng phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn trên cơ sở các quy định pháp luật kinh tế | PLO2.1; |
| **CO3** | Khả năng đề xuất các sáng kiến pháp lý trong quản trị doanh nghiệp và các vấn đề pháp lý khác khác liên quan đến quản trị doanh nghiệp. | PLO3.1 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Hiểu và phân tích được những kiến thức về luật kinh tế ở Việt Nam nói chung và các vấn đề pháp lý trong hoạt động kinh doanh nói riêng như địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh, các vấn đề pháp lý về quản trị doanh nghiệp và tổ chức kinh tế; hợp đồng trong kinh doanh thương mại, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại, phá sản doanh nghiệp. |
| **CLO2** | Có kiến thức pháp luật sâu rộng về chủ thể kinh doanh, cơ cấu tổ chức, vốn và chế độ tài chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, về hợp đồng, phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại để phát hiện và đề xuất các giải pháp pháp lý cho các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh. |
| **CLO3** | Có kỹ năng tra cứu, tìm kiếm và cập nhật các văn bản pháp luật mới liên quan đến lĩnh vực luật kinh tế, liên quan đến nhiệm vụ, công việc. |
| **CLO4** | Vận dụng các quy định pháp luật để xử lý các tình huống thực tiễn nảy sinh trong tổ chức hoạt động kinh doanh; giao kết hợp đồng trong kinh doanh thương mại; giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại và phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. |
| **CLO5** | Tham vấn cho doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức các vấn đề liên quan đến luật kinh tế nói chung và về quản trị doanh nghiệp nói riêng. |
| **CLO6** | Có khả năng đưa ra được các nhận xét, kết luận và đề xuất cải tiến các hoạt động về tổ chức, điều hành của doanh nghiệp đối với hoạt động kinh tế. Có phẩm chất đạo đức tốt, sống và làm việc theo pháp luật, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm với công việc. Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **PLO1.2** | **PLO2.1** | **PLO3.1** | **PLO3.3** |
| **CLO1** | R |  |  |  |
| **CLO2** | R |  |  |  |
| **CLO3** |  | R |  |  |
| **CLO4** |  | R |  |  |
| **CLO5** |  |  | R | R |
| **CLO6** |  |  | R | R |

***7.3.9. Học phần 9: Marketing***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Marketing thuộc chương trình Cao học Quản lý Kinh tế theo định hướng ứng dụng nhằm giới thiệu cho học viên những hiểu biết nâng cao về marketing, vai trò của marketing trong tổ chức, những nội dung cơ bản của marketing như nghiên cứu marketing, môi trường marketing và hành vi người tiêu dùng. Từ đó, người học sẽ được giới thiệu các kiến thức và kỹ năng đặc thù của marketing để tiếp cận với khách hàng – thị trường, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị. Sau cùng học phần sẽ tập trung giới thiệu 4 công cụ marketing điển hình trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm vật chất để triển khai chiến lược, kế hoạch marketing, đó là: Sản phẩm, Giá cả, Kênh phân phối và Truyền thông marketing. Học viên có thể áp dụng những kiến thức này vào việc xây dựng kế hoạch marketing cho tổ chức và doanh nghiệp.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT Kế toán** |
| CO1 | Kiến thức về marketing, môi trường marketing**,** các quyết định marketing và cơ sở để ra các quyết định đó qua công thức 4Ps cho tổ chức. doanh nghiệp | PLO1: 1.2; 1.3 |
| CO2 | Kỹ năng phân tích, đánh giá và vận dụng các kiến thức về marketing để xây dựng kế hoạch marketing cho tổ chức/ doanh nghiệp | PLO2: 2.1 |
| CO3 | Trang bị cho người học nhận thức về bối cảnh thay đổi của môi trường kinh doanh, nhận thức đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội | PLO3: 3.2; 3.3 |

***CĐR của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mô tả**  *Sau khi học xong học phần này, người học có thể:* |
| CLO1 | Cung cấp cho người học kiến thức nâng cao về marketing, những triết lý cơ bản của marketing; vai trò và vị trí của marketing; mối quan hệ giữa chức năng marketing với các bộ phận chức năng khác |
| CLO2 | Cung cấp cho người học kiến thức nâng cao về marketing, những triết lý cơ bản của marketing; vai trò và vị trí của marketing; mối quan hệ giữa chức năng marketing với các bộ phận chức năng khác |
| CLO3 | Cung cấp cho người học kiến thức nâng cao về marketing, những triết lý cơ bản của marketing; vai trò và vị trí của marketing; mối quan hệ giữa chức năng marketing với các bộ phận chức năng khác |
| CLO4 | Phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc về chuyên môn của môn học. Áp dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để ra quyết định trong một số các tình huống liên quan đến quản trị marketing của tổ chức/ doanh nghiệp |
| CLO5 | Có khả năng làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề quản lý kinh tế. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực kinh tế. Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Có khả năng tự chủ, tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Course Learning Outcomes** | **Program Learning Outcomes** | | | | | | | | | | | |
| *PLO1* | | | | *PLO2* | | | | | *PLO3* | | |
| *1.1* | *1.2* | *1.3* | *1.4* | *2.1* | *2.2* | *2.3* | *2.4* | *2.5* | *3.1* | *3.2* | *3.3* |
| *CLO1* |  | *M* | *M* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO2* |  | *M* | *M* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO3* |  | *M* | *M* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO4* |  |  |  |  | *M* |  |  |  |  |  |  |  |
| *CLO5* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | *R* | *R* |

***7.3.10. Học phần 10: Kinh tế phát triển nâng cao***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Môn học Kinh tế phát triển nâng cao cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về các vấn đề thuộc về lĩnh vực kinh tế phát triển. Học phần bao gồm có 2 phần lớn: Phần 1. Tăng trưởng kinh tế và các yếu tố ảnh hưởng. Phần này gồm có 2 chương giới thiệu về một số nội dung về tăng trưởng kinh tế, các nguồn lực của tăng trưởng kinh tế và đặc biệt về vốn con người. Phần 2: Phát triển kinh tế bền vững. Phần này gồm có 3 chương, giới thiệu về các vấn đề thuộc về phát triển bền vững. Đó là vấn đề phát triển kinh tế, nghèo đói, bất bình đẳng và môi trường. Ngoài ra, mối quan hệ giữa các vấn đề này với tăng trưởng kinh tế cũng được nêu và phân tích.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Những kiến thức cơ bản và nâng cao về tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế và phát triển bền vững. Người học có thể nắm được các kiến thức và sự vận dụng các lý thuyết tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế vào trong việc hoạch định các chính sách; Cung cấp cho người học các phương thức tính toán các chỉ số đo lường các vấn đề tăng trưởng kinh tế, các nguồn lực tăng trưởng kinh tế, nghèo đói, bất bình đẳng về thu nhập và các vấn đề về môi trường nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu cũng như công việc thực tế có liên quan. | PLO1 |
| **CO2** | Rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, thảo luận đối với các vấn đề phát triển kinh tế. Giúp người học có được phương pháp, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá những thuận lợi, khó khăn của các mô hình kinh tế tiêu biểu dựa trên lý thuyết về phát triển và các mô hình phát triển kinh tế vận dụng vào các nước đang phát triển. | PLO2 |
| **CO3** | Khả năng tự chủ, khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ; có khả năng tự định hướng; đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến kinh tế phát triển. | PLO3 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Phân tích được những kiến thức cơ bản và nâng cao về tăng trưởng kinh tế, phát triển kinh tế và phát triển bền vững. |
| **CLO2** | Vận dụng kiến thức về các lý thuyết tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế vào trong việc hoạch định các chính sách. |
| **CLO3** | Vận dụng được các phương thức tính toán các chỉ số đo lường các vấn đề tăng trưởng kinh tế, các nguồn lực tăng trưởng kinh tế, nghèo đói, bất bình đẳng về thu nhập và các vấn đề về môi trường nhằm phục vụ cho công tác nghiên cứu cũng như công việc thực tế có liên quan. |
| **CLO4** | Có khả làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề về phát triển kinh tế. |
| **CLO5** | Có khả năng dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực kinh tế phát triển; có sáng kiến,có khả năng tự định hướng; có khả năng đưa ra được kết luận và cải tiến các hoạt động về các vấn đề liên quan đến kinh tế phát triển. |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO1.1 | PLO1.2 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO3.3 |
| CLO1 | R | R |  |  |  |
| CLO2 | R | R |  |  |  |
| CLO3 |  | R | R |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R | R |
| CLO5 |  |  |  |  | R |

***7.3.11. Học phần 11: Lãnh đạo học***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Lãnh đạo học dùng cho giảng dạy chương trình thạc sỹ, nội dung của học phần chủ yếu cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về phương pháp, kỹ năng, cách thức lãnh đạo trong tổ chức như: Tổng quan về lãnh đạo, tạo động lực cho người lao động, lãnh đạo nhóm làm việc có hiệu quả, nghệ thuật lãnh đạo và phát triển năng lực lãnh đạo trong doanh nghiệp. Học phần ngoài có những kiến thức nền tảng cũng đi sâu thêm về phần kiến thức thực tế, những kỹ năng cần có đối với lãnh đạo của một tổ chức. Người học sẽ nắm vững được những phẩm chất, kỹ năng, chuyên môn nghiệp vụ cần phải có để trở thành một lãnh đạo giỏi trong tương lai cũng như bổ sung thêm kiến thức để lãnh đạo tốt trong hiện tại.

***Mục tiêu học phần***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu**  ***(Goals)*** | **Mô tả**  ***(Goal description)***  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| **CO1** | - Người học có thể làm chủ được kiến thức cơ bản và nâng cao lãnh đạo, phong cách của lãnh đạo, nắm được những nội dung cơ bản của chức năng lãnh đạo, cách thức lãnh đạo nhóm làm việc, cách thức tạo động lực cho người lao động. Nắm được một số nghệ thuật làm lãnh đạo. | CĐR 2 và CĐR 3 |
| **CO2** | - Người học có khả năng vận dụng và phát triển những kiến thức nâng cao trong việc lãnh đạo một tổ chức, tạo động lực cho một đối tượng cụ thể.  - Người học vận dụng kiến thức từ môn học để từ đó cải thiện thái độ và hành vi ứng xử của mình trong cuộc sống cũng như trong công việc. Giúp người học có thêm kỹ năng tư duy và kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả và lãnh đạo nhóm làm việc. | CĐR 5 và CĐR 6 |
| **CO3** | Học phần cũng giúp cho người học thấy được để có lãnh đạo một tổ chức có hiệu quả, họ cần phải có một thái độ đúng đắn trong học tập, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, rèn luyện đạo đức, tác phong, lối sống, nâng cao tính thần trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao, nâng cao tính tổ chức, tính kỷ luật và tinh thần tập thể. | CĐR 10 và CĐR 11 |

***Chuẩn đầu ra của học phần – CLOs***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả** | **Chuẩn đầu ra CTĐT** |
|  | *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |  |
| **CLO1** | Vận dụng sáng tạo được kiến thức cơ bản và nâng cao về lãnh đạo, phong cách của lãnh đạo. | CĐR 2, CĐR 3 |
| **CLO2** | Tổ chức được các nhóm làm việc có hiệu quả | CĐR 2, CĐR 3 |
| **CLO3** | Vận dụng được các kỹ năng lãnh đạo trong quá trình quản lý, nghệ thuật lãnh đạo. | CĐR 2, CĐR 3 |
| **CLO4** | Vận dụng thực tiễn và phát triển những kiến thức nâng cao trong việc lãnh đạo một tổ chức. | CĐR 5, CĐR 6 |
| **CLO5** | Cải thiện thái độ và hành vi ứng xử của mình trong cuộc sống cũng như trong công việc. | CĐR 5, CĐR 6 |
| **CLO6** | Phát triển kỹ năng tư duy và kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả và lãnh đạo nhóm làm việc. | CĐR 5, CĐR 6 |
| **CLO7** | Giúp cho người học thấy được để có lãnh đạo một tổ chức có hiệu quả, họ cần phải có một thái độ đúng đắn trong học tập, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ | CĐR 10, CĐR 11 |
| **CLO8** | Chủ động rèn luyện đạo đức, tác phong, lối sống, nâng cao tính thần trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao | CĐR 10, CĐR 11 |
| **CLO9** | Chủ động nâng cao tính tổ chức, tính kỷ luật và tinh thần tập thể. | CĐR 10, CĐR 11 |

**Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO1.1 | PLO1.2 | PLO2.1 | PLO2.2 | PLO3.3 |
| CLO1 | R | R |  |  |  |
| CLO2 | R | R |  |  |  |
| CLO3 |  | R | R |  |  |
| CLO4 |  |  | R | R | R |
| CLO5 |  |  |  |  | R |

***7.3.12. Học phần 12: Khoa học quản lý***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Khoa học quản lý được giảng dạy trong chương trình đào tạo thạc sĩ Quản lý kinh tế, là học phần cốt lõi thuộc của nhóm ngành Quản trị - Quản lý. Học phần cung cấp cho học viên cao học ngành Quản lý kinh tế những kiến thức nâng cao và chuyên sâu về các lĩnh vực quản lý, tổ chức, ra quyết định và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức. Học phần sử dụng những nguyên tắc dựa vào nghiên cứu khoa học, chiến lược và các phương pháp phân tích như mô hình toán để nâng cao năng lực của tổ chức liên quan tới việc ra các quyết định quản lý. Khoa học quản lý liên quan tới xây dựng và ứng dụng các mô hình và khái niệm có được chứng minh là có ích trong việc hỗ trợ việc làm sáng tỏ các vấn đề về quản lý và giải quyết các vấn đề đó. Có hàng loạt các vấn đề mà khoa học quản lý góp phần làm sáng tỏ và đưa ra giải pháp.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **CTĐT Quản lý kinh tế** | **Trình độ năng lực** |
| CO1 | Hiểu biết và ứng dụng các mô hình định lượng ứng dụng trong quản lý | PLO1: 1.2; 1.3; 1.4 | 4 |
| CO2 | Kỹ năng phân tích, lập luận và vận dụng các mô hình trong thực tiễn | PLO2: 2.1; 2.3; 2.4; | 4 |
| CO3 | Khả năngxác định và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản trị, quản lý thông qua các mô hình định lượng | PLO3: 3.1 | 3 |

***CĐR của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mô tả**  *Sau khi học xong học phần này, người học có thể:* | **CTĐT Quản lý kinh tế** | **Trình độ năng lực** |
| CLO1 | Có hiểu biết sâu sắc về các mô hình ứng dụng quá trình ra quyết định quản lý. Từ đó, có khả năng xây dựng được các mô hình hỗ trợ ra quyết định quản lý trong bối cảnh cụ thể của địa phương, lĩnh vực, tổ chức. | PLO1: 1.2; 1.3; 1.4 | 4 |
| CLO2 | Kỹ năng tư duy logic, tư duy hệ thống áp dụng trong xây dựng các mô hình định lượng; kỹ năng sử dụng các phần mềm giải quyết các mô hình định lượng | PLO2: 2.3 | 4 |
| CLO3 | Áp dụng được kiến thức, kỹ năng đã học vận dụng để ra quyết định quản lý trong một số các tình huống. Có khả năng làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề ứng dụng mô hình định lượng | PLO2: 2.5 | 4 |
| CLO4 | Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực quản trị, quản lý; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Có khả năng tự chủ, tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; | PLO3: 3.2 | 3 |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT Quản lý kinh tế***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT Quản lý kinh tế** | | | | | | | | | | | | | | |
| **PLO1** | | | | | | **PLO2** | | | | | **PLO3** | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **1.4** | **1.5** | **1.6** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **2.4** | **2.5** | **3.1** | **3.2** | **3.3** | **3.4** |
| CLO1 |  | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  |

***7.3.13. Học phần 13: Kinh tế lượng ứng dụng***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Kinh tế lượng ứng dụng thuộc khoa kinh tế nhằm giới thiệu cho học viên tiếp cận việc ước lượng mô hình với số liệu theo chuỗi thời gian và số liệu bảng, đây là công cụ được sử dụng rất phổ biến hiện nay trong các nghiên cứu thực nghiệm về kinh tế.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Học phần cung cấp kiến thức nâng cao và minh họa những ứng dụng các mô hình kinh tế lượng phổ biến trong thực tế. Học viên được cung cấp các kỹ thuật hữu dụng khác trong kinh tế lượng như hồi qui hệ phương trình với các ứng dụng cho phân tích kinh tế vĩ mô có thể nghiên cứu các câu hỏi chính sách khác nhau. Kết thúc môn học, học viên được kỳ vọng sẽ nắm vững nội dung các mô hình kinh tế lượng được trình bày, có thể chọn lựa mô hình kinh tế lượng phù hợp với chủ đề nghiên cứu luận văn thạc sĩ và sử dụng thành thạo phần mềm kinh tế lượng cho các mô hình này. | PLO1.2 |
| **CO2** | Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, trình bày vấn đề nghiên cứu bằng văn bản, thuyết trình,…Sử dụng phần mềm EVIEWS, SPSS, STATA để ước lượng mô hình hồi quy và thực hiện các kiểm định cũng như dự báo. | PLO2.1, PLO2.3 |
| **CO3** | Khả năng tự đánh giá, phân tích và đưa ra nhận định về vấn đề nghiên cứu | PLO3.1 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **PLO1.2** | - Định nghĩa được về phân tích hồi quy, mô hình hồi quy và các giả thiết của mô hình Định nghĩa được về phân tích hồi quy, mô hình hồi quy và các giả thiết của mô hình.  - Ước lượng và kiểm định các tham số của mô hình. Kiểm định mô hình.  - Vận dụng được mô hình với số liệu theo chuỗi thời gian và số liệu bảng |
| **PLO2.1** | Có khả năng tư duy, phân tích với bộ số liệu |
| **PLO2.3** | Sử dụng phần mềm EVIEWS, SPSS, STATA để ước lượng mô hình hồi quy và thực hiện các kiểm định cũng như dự báo |
| **PLO3.1** | Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO1.2 | PLO2 .1 | PLO2.3 | PLO3.1 |
| CLO1 | R |  |  |  |
| CLO2 |  | R | R |  |
| CLO3 |  |  |  | R |

***7.3.14. Học phần 14: Tài chính ngân hàng***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Tài chính ngân hàng thương mại trang bị cho học viên kiến thức chung về ngân hàng, những đặc điểm, thành phần và phương pháp quản lý nguồn vốn, quản lý tài sản, kết quả kinh doanh của ngân hàng, quản trị rủi ro từ hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Từ những phân tích và đánh giá về tài sản, nguồn vốn và kết quả kinh doanh của ngân hàng, môn học cung cấp cho người học những phương pháp quản trị tài chính quan trọng nhất với những hoạt động của ngân hàng. Giúp cho học viên làm chủ kiến thức chuyên sâu về tài chính ngân hàng để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ cao hơn.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | - Kiến thức tổng quan về ngân hàng, tài sản có, tài sản nợ, vốn chủ sở hữu, kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính của ngân hàng thương mại.  - Kiến thức về phương pháp quản lý nguồn vốn, quản lý tài sản của ngân hàng, quản lý tài sản có, quản lý tài sản nợ, quản lý vốn chủ sở hữu và quản trị kết quả kinh doanh của ngân hàng  - Kiến thức chuyên sâu về phân tích báo cáo tài chính của ngân hàng | PLO1.2, PLO1.3 |
| **CO2** | - Kỹ năng tổng hợp được các kiến thức về quản lý nguồn vốn, quản lý tài sản, phân tích kết quả kinh doanh của ngân hàng và quản trị rủi ro hoạt động của ngân hàng | PLO2.1, PLO2.2, PLO2.3 |
| **CO3** | - Kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên môn và bổ trợ vào thực tiễn vào việc phát hiện và giải quyết vấn đề về lí luận và thực tiễn quản lý ngân hàng | PLO2.1, PLO2.2, PLO2.3 |
| **CO4** | - Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước tập thể; tự đọc tài liệu theo hướng dẫn, gợi ý của giảng viên. | PLO3.1, PLO3.2 |
| **CO5** | - Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm có hiệu quả; Khả năng tư duy, sáng tạo, khoa học; Có khả năng dẫn dắt chuyên môn tài chính ngân hàng | PLO3.2, PLO3.3 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Hiểu và giải thích được những vấn đề về lý luận và thực tiễn liên quan đến tài chính ngân hàng |
| **CLO2** | Vận dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết những tình huống chuyên sâu trong lí luận và thực tiễn quản lý tài sản có, tài sản nợ, vốn chủ sở hữu, kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính của ngân hàng |
| **CLO3** | Có khả năng đề xuất biện pháp, phương án nhằm cải thiện, đổi mới về lí luận và thực tiễn tài chính ngân hàng. Phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin để đề xuất các giải pháp xử lý các vấn đề có căn cứ khoa học thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng |
| **CLO4** | Có tinh thần và thái độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Có tinh thần độc lập và hợp tác trong nghiên cứu và hoạt động ngành tài chính ngân hàng |
| **CLO5** | Linh hoạt và sáng tạo trong công việc, nhanh chóng thích ứng với môi trường nghề nghiệp thay đổi; Có năng lực hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu và hoạt động thực hiện trong lĩnh vực tài chính ngân hàng |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO1.2 | PLO1.3 | PLO2.2 | PLO2.3 | PLO3.2 | PLO3.3 |
| CLO1 | R |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  | M |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | M | M |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  | M | M |
| CLO5 |  |  |  |  | M | M |

***7.3.15. Học phần 15: Thống kê trong kinh tế***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Thống kê trong kinh tế thuộc khoa kinh tế nhằm giới thiệu cho học viên các phương pháp thống kê ứng dụng sử dụng trong việc thu thập và phân tích dữ liệu, làm cơ sở để có thể ra các quyết định trong quản lý kinh tế và kinh doanh. Giúp người học biết sử dụng các phần mềm trong việc xử lý dữ liệu (Excel, SPSS), hiểu và sử dụng được các kết quả cung cấp từ phần mềm đó. Bên cạnh đó giúp người học có kỹ năng dự báo, kỹ năng tư duy lập kế hoạch và ra quyết định trong lĩnh vực kinh tế.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Học phần cung cấp kiến thức giúp người học hiểu và vận dụng được các phương pháp thống kê mô tả, thống kê suy luận; hiểu, vận dụng tính toán và phân tích được các chỉ tiêu trong thống kê kinh tế như: thống kê dân số và nguồn lao động, thống kê của cải quốc dân, thống kê thu chi ngân sách nhà nước, thống kê tiền tệ, tín dụng, các phương pháp đánh giá kết quả và hiệu quả sản xuất của nền kinh tế quốc dân, các phương pháp đánh giá mức sống dân cư, đo lường nghèo... | PLO1.2 CTĐT (Quản lý kinh tế) |
| **CO2** | Kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, trình bày vấn đề nghiên cứu bằng văn bản, thuyết trình,…Sử dụng phần mềm EVIEWS, SPSS, STATA để ước lượng mô hình hồi quy và thực hiện các kiểm định cũng như dự báo. | PLO2.1 CTĐT (Quản lý kinh tế) |
| **CO3** | Có khả năng tự định hướng, tự nghiên cứu | PLO3.3 CTĐT (Quản lý kinh tế) |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Vận dụng được phương pháp thống kê mô tả, thống kê suy diễn |
| **CLO2** | Phân tích được các chỉ tiêu trong thống kê kinh tế; đánh giá mức sống dân cư; đo lường nghèo |
| **CLO3** | Phát triển kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm |
| **CLO4** | Sử dụng phần mềm EVIEWS, SPSS trong xử lý số liệu |
| **CLO5** | Có khả năng tư duy phân tích với bộ số liệu |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO1.2 | PLO.. | PLO2.1 | PLO3.3 |
| CLO1 | R |  |  |  |
| CLO2 | R |  | R |  |
| CLO3 |  |  | R |  |
| CLO4 |  |  |  | R |
| CLO5 |  |  |  | R |

***7.3.16. Học phần 16: Quản lý kinh tế***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần tập trung vào việc nghiên cứu những vấn đề lý thuyết về phân tích môi trường có tác động đến hoạt động quản lý kinh tế; làm chủ được các kỹ thuật trong việc ra quyết định, lập kế hoạch, thiết kế cơ cấu tổ chức và giám sát hoạt động quản lý của đơn vị. Ngoài ra, người học cũng được trang bị những kiến thức về đạo đức quản lý, nghệ thuật quản lý tổ chức kinh tế.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT Kế toán** |
| CO1 | Nhận thức được bản chất của quản lý kinh tế; Nhận biết môi trường trong quản lý kinh tế; Nhận biết được các kỹ thuật trong việc ra quyết định, lập kế hoạch, thiết kế cơ cấu tổ chức và giám sát hoạt động quản lý; Nhận biết được đạo đức quản lý, nghệ thuật quản lý tổ chức kinh tế | POL1: 1.1; 1.3 |
| CO2 | Kỹ năng phân tích, lập luận và vận dụng các công cụ, phương pháp quản lý cơ bản để giải quyết các vấn đề quản lý kinh tế ở phạm vi quốc gia, vùng, địa phương và tổ chức | POL2: 2.3 |
| CO3 | Thông qua việc tìm hiểu môn học, người học sẽ có những hiểu biết nhất định về môi trường trong QLKT, qua đó định hướng các hoạt động trong tương lai để tạo nên sự phù hợp với môi trường quản lý biến động. Hình thành nên một tư duy khoa học mới khi xem xét các sự vật, hiện tượng. Nó không tách rời, biệt lập mà luôn có sự tác động qua lại với các sự vật và hiện tượng khác. | POL3: 3.1 |

***CĐR của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mô tả**  *Sau khi học xong học phần này, người học có thể:* |
| CLO1 | Nhận biết môi trường quản lý kinh tế nói chung và ở Việt Nam nói riêng cũng như sự tác động của chúng. Vận dụng những kiến thức, hiểu biết vào thực tiễn việc ra quyết định, lập kế hoạch, thiết kế cơ cấu tổ chức và giám sát hoạt động quản lý kinh tế. |
| CLO2 | Áp dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để ra quyết định trong một số các tình huống liên quan đến quản lý kinh tế. |
| CLO3 | Có khả năng làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề quản lý kinh tế. |
| CLO4 | Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý kinh tế, Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Có khả năng tự chủ, tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1.1** | **1.3** | **2.3** | **3.1** |
| **CLO1** | M |  |  |  |
| **CLO2** |  | M |  |  |
| **CLO3** |  |  | M |  |
| **CLO4** |  |  |  | R |

***7.3.17. Học phần 17: Phân tích chính sách kinh tế***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần cung cấp những kiến thức chuyên sâu về nghiên cứu chính sách công và phân tích chính sách kinh tế. Nội dung học phần được sắp xếp theo từng bước của chu trình chính sách: phân tích vấn đề chính sách, phân tích hoạch định chính sách, phân tích thực thi chính sách và phân tích đánh giá chính sách. Từ đó, người học có khả năng tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin, để xuất các phương án chính sách để tư vấn cho người có thẩm quyền ra quyết định về chính sách kinh tế.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| Mục tiêu  *(COs)* | Mô tả  *Học phần này trang bị cho học viên:* | Đáp ứng chuẩn đầu ra  CTĐT |
| --- | --- | --- |
| CO1 | Kiến thức chuyên sâu về nghiên cứu chính sách, phân tích chính sách kinh tế. | PLO2; PLO3 |
| CO2 | Kỹ năng nghiên cứu độc lập, tổng hợp, phân tích, đánh giá chính sách để tư vấn cho người ra quyết định hoặc điều chỉnh chính sách kinh tế. | PLO4; PLO6 |
| CO3 | Sử dụng tốt các công cụ phân tích chính sách để thu thập, xử lý phân tích thông tin hỗ trợ cho việc ra quyết định chính sách. | PLO8, PL10 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| Chuẩn đầu ra HP | Mô tả  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| CLO1 | Áp dụng cơ sở lý luận về phân tích chính sách kinh tế vào thực tiễn công việc. |
| CLO2 | Có khả năng nghiên cứu các quy luật của nền kinh tế thị trường, những thành công và thất bại của nhà nước trong xây dựng và thực thi chính sách kinh tế. |
| CLO3 | Có khả năng xem xét, đánh giá, so sánh các mục tiêu và giải pháp, công cụ chính sách liên quan đến vấn đề chuyên môn bản thân đang thực hiện. |
| CLO4 | Phân tích và đề xuất phương án chính sách tối ưu nhằm phát huy những ưu điểm và khắc phục những nhược điểm của nền kinh tế thị trường. |
| CLO5 | Đề ra được những khuyến nghị điều chỉnh, hoàn thiện và đổi mới các chính sách kinh tế. |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **PLO2** | **PLO3** | **PLO4** | **PLO6** | **PLO8** | **PL10** |
| **CLO1** | M | R |  |  |  |  |
| **CLO2** | M | M |  |  |  |  |
| **CLO3** |  |  | M | M | M | R |
| **CLO4** |  |  | M | M | M | R |
| **CLO5** |  |  | M | M | M | R |

***7.3.18. Học phần 18: Quản lý công***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần này cung cấp cho người học những lý luận cơ bản về khu vực công, quản lý khu vực công, dịch vụ công... làm nền tảng cho hoạt động quản lý trong khu vực công. Trên cơ sở lý thuyết nền tảng, người học có khả năng phân tích hiện trạng hoạt động quản lý khu vực của đất nước, cũng như hoạt động quản lý của đơn vị đang công tác. Từ cơ sở lý thuyết nền tảng, từ phân tích hiện trạng hoạt động quản lý của khu vực công, người học từ đó có thể vận dụng những kiến thức đã học, kết hợp với phân tích thực tế để áp dụng những kiến thức vào quá trình quản lý và cải tiến hoạt động quản lý của bản thân trong công việc.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  ***Học phần này trang bị cho học viên:*** | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| CO1 | Những kiến thức cơ bản, nền tảng về khu vực công và quản lý khu vực công; những nội dung cốt lõi trong quản lý khu vực công: hành chính công, dịch vụ công, đổi mới tổ chức trong khu vực công. | PLO1.1; PLO1.4; PLO1.5 |
| CO2 | Có tư duy độc lập, sáng tạo trong phân tích, đánh giá trong hoạt động quản lý của khu vực công; đánh giá hiện trạng hoạt động quản lý trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của khu vực công; cải tiến quá trình quản lý của khu vực công trong điều kiện hội nhập. | PLO2.2 |
| CO3 | Tự tin, chủ động, sáng tạo, trung thực trong nghiên cứu và công tác. Có ý thức trách nhiệm cao trong các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường. | PLO3.1 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  ***Sau khi học xong môn học này, người học có thể:*** |
| PLO1.1 | Hiểu được những lý luận cơ bản về khu vực công và quản lý khu vực công, những nội dung về một số hoạt động chính trong khu vực công như hành chính công, quản lý cung cấp dịch vụ công, đổi mới tổ chức trong tổ chức công. |
| PLO1.4 | Phân tích được xu thế cải cách quản lý khu vực công trên thế giới hiện nay, từ đó có thể áp dụng vào thực tiễn tại Việt Nam. |
| PLO1.5 | Có năng lực quản lý, đánh giá các chính sách, hoạch định, tổ chức thực hiện chính sách trong khu vực công. |
| PLO2.2 | Có tư duy độc lập, sáng tạo trong phân tích, đánh giá trong hoạt động quản lý của khu vực công; đánh giá hiện trạng hoạt động quản lý của tổ chức; đề xuất được các giải pháp cải tiến quá trình quản lý của tổ chức. Lập luận và phản biện được các chính sách về quản lý và phát triển khu vực công của Nhà nước trong điều kiện hội nhập. |
| PLO3.1 | Tự tin, chủ động, sáng tạo, trung thực trong nghiên cứu và công tác. Có ý thức trách nhiệm cao trong các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường. |

***Mức độ đáp ứng được mã hóa theo 3 mức từ I, R và M trong đó:***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **PLO1.1** | **PLO1.4** | **PLO1.5** | **PLO2.2** | **PLO3.1** |
| **CLO1** | M | M | R | R | R |
| **CLO2** | M | M | R | R | R |
| **CLO3** | M | M | R | R | R |

***7.3.19. Học phần 19: Quản lý phát triển địa phương***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Quản lý phát triển địa phương là một môn học cung cấp cho học viên những kiến thức quan trọng và nâng cao, được cập nhật về quản lý phát triển địa phương như mô hình hóa kinh tế địa phương, tăng trưởng kinh tế địa phương, quan hệ kinh tế giữa các địa phương, hoạch định chiến lược phát triển tổng thể kinh tế - xã hội địa phương, marketing địa phương...Để từ đó có những tư duy chuyên sâu về khả nang cạnh tranh và xây dựng thương hiệu cho từng địa phương.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **CĐR**  **CTĐT thạc sỹ QLKT** | **Trình độ năng lực** |
| CO1 | Kiến thức nâng cao về địa phương, chiến lược phát triển tổng thể địa phương, cơ cấu kinh tế và quy hoạch phát triển địa phương | PLO1: 1.6 | 4 |
| CO2 | Kỹ năng nâng cao năng lực phân tích thông tin, kĩ năng tổng hợp; kĩ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của địa phương | PLO2: 2.3; 2.5 | 4 |
| CO3 | Khả năngbao quát, tổ chức các hoạt động tập thể, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. | PLO3: 3.2; 3.3 | 4 |

***CĐR của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mô tả**  *Sau khi học xong học phần này, người học có thể* | **CĐR CTĐT thạc sĩ QLKT** | **Trình độ năng lực** |
| CLO1 | Phân tích những vấn đề liên quan về vùng, phát triển kinh tế vùng, tăng trưởng, cơ cấu kinh tế, kế hoạch, quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế địa phương, cách thức xây dựng chính sách, các chiến lược marketing địa phương | PLO1: 1.6 | 4 |
| CLO2 | Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế địa phương | PLO2: 2.3 | 4 |
| CLO3 | Phân tích, so sánh cơ cấu ngành, cơ cấu kinh tế, chiến lược marketing địa phương của các địa phương | PLO2: 2.5 | 4 |
| CLO4 | Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm có hiệu quả; Khả năng phát hiện, giải quyết các vấn đề trong điều kiện môi trường làm việc thay đổi. | PLO3: 3.2 | 4 |
| CLO5 | Có năng lực hướng dẫn và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ. | PLO3: 3.3 | 4 |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT thạc sỹ QLKT** | | | | | | | | | | | | | | |
| **PLO1** | | | | | | **PLO2** | | | | | **PLO3** | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **1.4** | **1.5** | **1.6** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **2.4** | **2.5** | **3.1** | **3.2** | **3.3** | **3.4** |
| CLO1 |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  |

***7.3.20. Học phần 20: Tâm lý học quản lý kinh tế***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận).

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Tâm lý học QLKT nhằm giới thiệu cho học viên kiến thức cơ bản về các hiện tượng tâm lý của con người và các quy luật tâm lý diễn ra trong hoạt động quản lý. Từ đó, rèn luyện được những kỹ năng cơ bản, cần thiết trong hoạt động quản lý kinh tế như kỹ năng nghe, kỹ năng nói, kỹ năng viết... Môn học không chỉ giúp cho học viên có cái nhìn tổng quan về môn học mà còn biết vận dụng chúng vào trong thực tiễn quản lý kinh tế.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Kiến thức cơ bản về các hiện tượng tâm lý cá nhân, tập thể và người lãnh đạo; Tâm lý trong công tác quản lý kinh tế và hoạt động kinh doanh; Các vấn đề về giao tiếp trong quản lý kinh tế | PLO1: 1.4; 1.6 |
| **CO2** | Kỹ năng phân tích, vận dụng các phương pháp cơ bản để xử lý và giải quyết các vấn đề tâm lý trong các tổ chức quản lý kinh tế | PLO2: 2.5 |
| **CO3** | Khả năngxác định và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tự định hướng và có khả năng thích ứng linh hoạt với sự biến đổi của môi trường | PLO3: 3.3; 3.4 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| PLO1: 1.4 | Trình bày được những vấn đề cơ bản có tính tổng quan về các hiện tượng tâm lý cá nhân, hiện tượng tâm lý trong tập thể, tâm lý trong công tác lãnh đạo, tâm lý trong công tác quản lý kinh tế, hoạt động kinh doanh và giao tiếp trong quản lý kinh tế |
| PLO1: 1.6 | Phân tích và vận dụng các hiện tượng tâm lý cơ bản vào thực tiễn hoạt động quản lý của một tổ chức cụ thể. |
| PLO2: 2.5 | Áp dụng được kiến thức và kỹ năng đã học để xử lý các tình huống về các khía cạnh tâm lý cá nhân, tập thể trong công tác quản lý kinh tế |
| PLO3: 3.3 | Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao |
| PLO3: 3.4 | Có khả năng lập kế hoạch và quản lý các nguồn lực nhằm cải thiện hiệu quả các hoạt động quản lý kinh tế |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT QLKT** | | | | | | | | | | | | | | |
| **PLO1** | | | | | | **PLO2** | | | | | **PLO3** | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **1.4** | **1.5** | **1.6** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **2.4** | **2.5** | **3.1** | **3.2** | **3.3** | **3.4** |
| CLO1 |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |

***7.3.21. Học phần 21: Kế toán quản trị***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Kế toán quản trị nâng cao là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế, nhằm giới thiệu cho học viên một số nội dung chuyên sâu về kế toán quản trị như: kế toán quản trị chi phí, định giá sản phẩm, kế toán trách nhiệm và tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| CO1 | Nắm được các kiến thức về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; định giá sản phẩm; kế toán trách nhiệm và tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp. | PLO1.2 |
| CO2 | Kỹ năng phân tích, lập luận, đánh giá trách nhiệm của nhà quản lý và lựa chọn phương án kinh doanh hiệu quả. | PLO2.1  PLO2.3 |
| CO3 | Khả năng tư duy hệ thống, phát hiện và giải quyết các vấn đề trong nghiên cứu cũng như thực hiện công tác kế toán quản trị một cách độc lập, sáng tạo. | PLO3.1  PLO3.4 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | Nắm được các kiến thức cốt lõi về kế toán quản trị thông qua khái niệm, bản chất, chức năng, đối tượng và phương pháp của kế toán quản trị.  Hiểu rõ được các cách phân loại chi phí, giá thành, tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm và kế toán trách nhiệm, tổ chức công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp. |
| **CLO2** | Có kỹ năng phân tích, tổng hợp số liệu kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm, định giá sản phẩm, dự toán sản xuất kinh doanh và đánh giá trách nhiệm quản lý. |
| Có kỹ năng đánh giá thực trạng để nâng cao hiệu quả tổ chức kế toán quản trị trong doanh nghiệp |
| **CLO3** | Có khả năng lập luận và tư duy hệ thống để đề xuất các sáng kiến, giải pháp quan trọng trong tổ chức công tác kế toán quản trị tại doanh nghiệp |
| Có khả năng thực hiện các hoạt động quản lý, đánh giá và cải tiến các hoạt động liên quan đến công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **PLO1** | | | **PLO2** | | | | | **PLO3** | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **2.4** | **2.5** | **3.1** | **3.2** | **3.3** | **3.4** |
| **CLO1** |  | **R** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CLO2** |  |  |  | **M** |  | **M** |  |  |  |  |  |  |
| **CLO3** |  |  |  |  |  |  |  |  | **M** |  |  | **M** |

***7.3.22. Học phần 22: Quản lý dự án - 3TC***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Quản lý dự án cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản và chuyên sâu về quản lý dự án đầu tư, đặc biệt là dự án đầu tư xây dựng. Học phần giới thiệu tổng quan về các mô hình quản lý dự án, chủ thể quản lý dự án, lập kế hoạch dự án, quản lý dự án đầu tư xây dựng. Học viên được trang bị các kỹ năng lập, quản lý dự án các dự án, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Cung cấp cho người học những kiến thức chuyên sâu về quản lý dự án: trình tự, nội dung lập dự án, tổ chức quản lý dự án. | PLO1.3 |
| **CO2** | Kỹ năng lập và quản lý dự án, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng | PLO2.2 |
| **CO3** | Năng lực làm việc độc lập trong việc ra các quyết định quản lý; Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; tự thực hiện và giám sát thực hiện các chương trình, dự án. | PLO3.1;  PLO3.3 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | - Nắm rõ trình tự, thủ tục, nội dung lập kế hoạch dự án;  - Đánh giá được các mô hình tổ chức quản lý dự án;  - Tổ chức quản lý dự án, đặc biệt là các dự án đầu tư xây dựng. |
| **CLO2** | Xây dựng kế hoạch dự án, tổ chức quản lý các dự án |
| **CLO3** | - Năng lực làm việc độc lập trong việc ra các quyết định quản lý  - Phát triển kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm;  - Giám sát các cá nhân khác thực hiện lập và tổ chức quản lý dự án |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO1.3 | PLO2.2 | PLO3.1 | PLO3.3 |
| CLO1 | R |  |  |  |
| CLO2 |  | R |  |  |
| CLO3 |  |  | R | R |

***7.3.23. Học phần 23: Quản lý tài chính công - 3TC***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần quản lý tài chính công cung cấp kiến thức về sự phân cấp ngân sách và mối quan hệ ngân sách giữa chính quyền các cấp; quản lý việc huy động và sử dụng tín dụng nhà nước; quản lý chi tiêu công và lập ngân sách theo kết quả đầu ra; Quản lý các quỹ tài chính tại kho bạc nhà nước; Quản lý công sản và chính sách phát triển tài chính công Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Kiến thức của học phần này sẽ hỗ trợ và giúp cho các nhà quản lý nhà nước ra quyết định đúng cho việc hoạch định chiến lược tài chính của tổ chức

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Kiến thức chuyên môn ứng dụng trong lĩnh vực quản lý tài chính công | POL1: 1.1; 1.3 |
| **CO2** | Khả năng nắm bắt, phân tích, tự nhiên cứu một số vấn đề chuyên sâu về quản lý tài chính công | POL2: 2.3 |
| **C03** | Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, xử lý tình huống độc lập, đưa ra các nhận định, đánh giá về lĩnh vực quản lý tài chính công | POL3: 3.1 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| CLO1 | Hiểu được hệ thống NSNN từ đó soạn lập ngân sách theo kết quả đầu ra |
| CLO2 | Phân tích nghiệp vụ quản lý tài chính công qua kho bạc nhà nước và quản lý công sản |
| CLO3 | Áp dụng linh hoạt, thích ứng trong hoàn cảnh mới, làm việc có kế hoạch, suy nghĩ và làm việc độc lập sáng tạo; luôn tập trung cho kết quả công việc. |
| CLO4 | Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý tài chính công; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Có khả năng tự chủ, tự định hướng và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO1.1 | PLO1.3 | PLO2.3 | PLO3.1 |
| CLO1 | M |  |  |  |
| CLO2 |  | M |  |  |
| CLO3 |  |  | M |  |
| CLO4 |  |  |  | R |

***7.3.24. Học phần 24: Quản trị nguồn nhân lực - 3TC***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Quản trị nguồn nhân lực nâng cao nhằm giới thiệu cho học viên cao học ngành Quản lý kinh tế những kiến thức nâng cao về quản lý con người bao gồm: Quản lý con người và năng lực lãnh đạo, tìm kiếm và tuyển chọn nhân viên, xây dựng đội ngũ, Giao việc và ủy quyền hiệu quả, động viên khích lệ và tạo động lực cho nhân viên, Khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới, quản lý hiệu suất công việc, xử lý mâu thuẫn và các vấn đề cá nhân nhằm xây dựng và phát triển tổ chức cũng như đạt được các mục tiêu đề ra.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Giúp học viên vận dụng được những kiến thức nâng cao về quản lý con người như năng lực lãnh đạo, tìm kiếm, tuyển chọn nhân viên và xây dựng đội ngũ, giao việc và ủy quyền hiệu quả | PLO1.2 |
| **CO2** | Học viên có kỹ năng trong việc quản lý con người nhằm đạt được mục tiêu của tổ chức | PLO2.1 |
| **CO3** | Học viên có ý thức thái độ làm việc chuyên nghiệp, cầu thị, có khả năng lãnh đạo đội nhóm và làm việc trong môi trường cạnh tranh | PLO3.1 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1.1** | Vận dụng kiến thức nâng cao về quản lý con người để xây dựng đội ngũ, lựa chọn nhân lực cũng như giao việc và ủy quyền hiệu quả để đạt được mục tiêu của tổ chức |
| **CLO1.2** | Vận dụng kiến thức nâng cao để quản lý hiệu suất, nâng cao hiệu quả làm việc, phân tích, tổng hợp kiến thức để đề xuất giải pháp phát huy năng lực và sức sáng tạo của nhân viên trong phát triển tổ chức. |
| **CLO1.3** | Vận dụng kiến thức nâng cao để tăng cường sự gắn kết, giải quyết mâu thuẫn, xung đột nhằm đạt được kết quả cao. |
| **CLO1.4** | Có kỹ năng truyền đạt ý tưởng, giao việc và ủy quyền, kỹ năng phân tích tình huống và xử lý mâu thuẫn và xung đột trong công ty, kỹ năng hợp tác với đồng nghiệp. |
| **CLO1.5** | Có ý thức thái độ chuyên nghiệp, cầu thị, gương mẫu trong quản lý điều hành tổ chức. |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO  1.1 | PLO  1.2 | PLO  1.3 | PLO  1.4 | PLO  2.1 | PLO  2.2 | PLO  2.3 | PLO  2.4 | PLO  3.1 | PLO  3.2 | PLO  3.3 |
| CLO1 |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  | R |  |  |  | R |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***7.3.25. Học phần 25: Quản lý rủi ro và khủng hoảng - 3TC***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Quản lý rủi ro và khủng hoảng là học phần thuộc CTĐT thạc sỹ QLKT nằm trong khối kiến thức chuyên ngành. Đây là một môn khoa học nghiên cứu các vấn đề chi phối đến tính hiệu quả và bền vững trong quá trình phát triển của một tổ chức trong bối cảnh có nhiều bất định, tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro và khủng hoảng.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **CTĐT thạc sỹ QLKT** | **Trình độ năng lực** |
| CO1 | Kiến thức liên ngành thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và khoa học tự nhiên vào quá trình phân tích đề xuất các giải pháp quản lý rủi ro và khủng hoảng | PLO1: 1.2; 1.3 | 4 |
| CO2 | Kỹ năng ra quyết định giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý rủi ro và phát hiện các dấu hiệu của khủng hoảng, ngăn chặn khủng hoảng, xây dựng và thực hiện kế hoạch ứng phó với khủng hoảng, đánh giá và xây dựng năng lực quản lý khủng hoảng của tổ chức. | PLO2: 2.1; 2.3 | 4 |
| CO3 | Có khả năng nhận diện, ngăn ngừa, kiểm soát, ứng phó với rủi ro và khủng hoảng. Tự định hướng để nâng cao năng lực của tổ chức, địa phương và đất nước trong quản lý rủi ro và khủng hoảng | PLO3: 3.1; 3.2 | 4 |

***CĐR của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mô tả**  *Sau khi học xong học phần này, người học có thể:* | **CTĐT thạc sỹ QLKT** | **Trình độ năng lực** |
| CLO1 | Trình bày được những vấn đề cơ bản về rủi ro, khủng hoảng, nhận diện và kiểm soát rủi ro, khủng hoảng cũng như quy trình quản lý rủi ro và khủng hoảng | PLO1: 1.2; 1.3 | 4 |
| CLO2 | Kỹ năng ra quyết định giải quyết các vấn đề trong thực tiễn quản lý rủi ro và phát hiện các dấu hiệu của khủng hoảng, ngăn chặn khủng hoảng, xây dựng và thực hiện kế hoạch ứng phó với khủng hoảng | PLO2: 2.1; 2.3 | 4 |
| CLO3 | Có khả năng nhận diện, ngăn ngừa, kiểm soát, ứng phó với rủi ro và khủng hoảng | PLO2: 3.1 | 4 |
| CLO4 | Tự định hướng để nâng cao năng lực của tổ chức, địa phương và đất nước trong quản lý rủi ro và khủng hoảng | PLO3: 3.2 | 4 |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT Quản lý kinh tế***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT Quản lý kinh tế** | | | | | | | | | | | | |
| **PLO1** | | | | **PLO2** | | | | | | **PLO3** | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **1.4** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | | **2.4** | **2.5** | **3.1** | **3.2** | **3.3** |
| CLO1 |  | M | M |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  | M |  | M | |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  | |  |  | M |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  | M |  |

***7.3.26. Học phần 26: Quản lý khoa học và công nghệ - 3TC***

Số tín chỉ: 03 tín chỉ (2/1) (a: tín chỉ lý thuyết; b: tín chỉ thực hành/thảo luận)

***Giới thiệu tóm tắt học phần***

Học phần Quản lý Khoa học và công nghệ nhằm giới thiệu cho học viên kiến thức cơ bản và hiện đại về khoa học, công nghệ, quản lý khoa học và công nghệ, để người học tự xây dựng công cụ dưới dạng phương pháp luận, kết hợp với kiến thức của các bộ môn khoa học để đạt được hiệu quả cao khi tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cũng như các hoạt động khác trong thực tiễn công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về khoa học và công nghệ, quản lý khoa học và công nghệ giúp người học có thể tự xây dựng cho mình một công cụ dưới dạng phương pháp luận về sử dụng kiến thức khoa học và công nghệ, trên cơ sở đó kết hợp với các kiến thức của các bộ môn khoa học khác để đạt được hiệu quả cao khi tham gia hoạt động quản lý cũng như các hoạt động khác. | PLO1: 1.5; 1.6 |
| **CO2** | Vận dụng được kiến thức về quản lý khoa học và công nghệ để hoạch định chiến lược phát triển khoa học công nghệ, quản lý các chương trình, dự án về khoa học công nghệ cũng như đọc, hiểu và phân tích được các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả sử dụng kiến thức khoa học và công nghệ như năng lực khoa học công nghệ, lựa chọn công nghệ phù hợp. Có khả năng bao quát, tổ chức các hoạt động tập thể, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm. | PLO2: 2.5 |
| **CO3** | Khả năngxác định và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, tự định hướng và thích ứng linh hoạt với sự biến đổi của môi trường | PLO3: 3.3; 3.4 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuẩn đầu ra HP** | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| PLO1: 1.5 | Trình bày được những vấn đề cơ bản có tính tổng quan về quản lý khoa học và công nghệ, những vấn đề cơ bản về môi trường khoa học và công nghệ bao gồm môi trường khoa học công nghệ quốc gia, cơ sở hạ tầng kinh tế và cơ sở hạ tầng công nghệ quốc gia, các yếu tố ảnh hưởng tới môi trường khoa học và công nghệ ở các nước phát triển. |
| PLO1: 1.6 | Phân tích và vận dụng các kiến thức về quản lý khoa học và công nghệ như tìm hiểu về năng lực công nghệ, đánh giá công nghệ, lựa chọn công nghệ, đổi mới công nghệ, chuyển giao khoa học và công nghệ, quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trong các tổ chức. |
| PLO2: 2.5 | Kỹ năng tư duy hệ thống về các vấn đề quản lý khoa học và công nghệ trong tổ chức, xây dựng kế hoạch, lựa chọn công nghệ, chuyển giao công nghệ,… trong các tổ chức |
| PLO3: 3.3 | Áp dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để ra quyết định trong một số các tình huống liên quan đến lựa chọn, đánh giá, chuyển giao khoa học và công nghệ. |
| PLO3: 3.4 | Có khả năng làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm để thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý khoa học và công nghệ trong tổ chức; Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực quản lý khoa học và công nghệ |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT QLKT** | | | | | | | | | | | | | | |
| **PLO1** | | | | | | **PLO2** | | | | | **PLO3** | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **1.4** | **1.5** | **1.6** | **2.1** | **2.2** | **2.3** | **2.4** | **2.5** | **3.1** | **3.2** | **3.3** | **3.4** |
| CLO1 |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R |

***7.3.27. Học phần 27: Chuyên đề thực tế 1 - 3TC***

Học phần Chuyên đề thực tế 1 thuộc chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế sau khi học viên được trang bị những kiến thức chuyên sâu về Quản lý kinh tế và các kiến thức bổ trợ khác. Học phần giúp học viên tiếp cận thực tiễn, nâng cao khả năng xử lý và thực hiện công tác chuyên môn liên quan đến lĩnh vực Quản lý kinh tế như Quản lý kinh tế tài chính, Quản lý kinh tế quản trị, hệ thống thông tin Quản lý kinh tế, phân tích báo cáo tài chính...

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  *(COs)* | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Trang bị cho học viên các kiến thức nâng cao về chính sách và định hướng phát triển kinh tế, đồng thời giúp học viên có kiến thức lý thuyết vững chắc và kiến thức thực tế chuyên sâu về Quản lý kinh tế để quản lý, giải quyết, điều hành những vấn đề liên quan đến công việc chuyên môn trong lĩnh vực nghiên cứu tại đơn vị cụ thể. | PLO1.1  PLO1.2 PLO1.3 |
| **CO2** | Tăng cường kỹ năng tổng hợp, phân tích và đánh giá vấn đề nghiên cứu từ đó cung cấp các kỹ năng tổ chức, thực hành các nghiệp vụ Quản lý kinh tế có độ phức tạp cao có tính liên ngành. | PLO2.1  PLO2.2  PLO2.3  PLO2.5 |
| **CO3** | Đề xuất các giải pháp, sáng kiến nhằm định hướng các đơn vị thực hiện để nâng cao hoạt động chuyên môn về Quản lý kinh tế trên cở sở tổng hợp, phân tích và đánh giá vấn đề đang nghiên cứu. | PLO3.1  PLO3.2  PLO3.3  PLO3.4 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuẩn đầu**  **ra HP** | | **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* |
| **CLO1** | **CLO1.1** | Vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về đường lối, chính sách và định hướng phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam vào lĩnh vực Quản lý kinh tế |
| **CLO1.2** | Trên cơ sở kiến thức lý thuyết, vận dụng vào thực tế để giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Quản lý kinh tế như Quản lý tài chính công, Quản lý phát triển địa phương, Quản lý dự án, phân tích chính sách kinh tế. |
| **CLO1.3** | Điều hành các hoạt động chuyên môn Quản lý kinh tế trên cơ sở vận dụng các kiến thức chung về kinh tế, kinh doanh và quản lý. |
| **CLO2** | **CLO2.1** | Đưa ra giải pháp xử lý các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ Quản lý kinh tế một cách khoa học và tiên tiến trên cơ sở phân tích dữ liệu tại đơn vị nghiên cứu. |
| **CLO2.2** | Trao đổi, thảo luận các vấn đề chuyên môn và khoa học trong lĩnh vực Quản lý kinh tế. |
| **CLO2.3** | Nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng những giải pháp mới trong lĩnh vực Quản lý kinh tế. |
| **CLO2.4** | Sử dụng trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam phục vụ công tác nghiên cứu các tài liệu nước ngoài.. |
| **CLO3** | **CLO3.1** | Đề xuất các sáng kiến quan trọng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế đặc biệt là Quản lý kinh tế, Quản lý tài chính, hệ thống thông tin Quản lý kinh tế, phân tích chính sách kinh tế trên cơ sở nghiên cứu, tổng hợp, phân tích dữ liệu Quản lý kinh tế tại đơn vị. |
| **CLO3.2** | Hướng dẫn người khác thực hiện tốt các hoạt động chuyên môn về Quản lý kinh tế và phân tích trên cơ sở các giải pháp được đề xuất trong quá trình nghiên cứu. |
| **CLO3.3** | Đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề liên quan đến hoạt động Quản lý kinh tế. |
| **CLO3.4** | Thực hiện được các hoạt động quản lý, đánh giá và cải tiến chuyên môn trong hoạt động Quản lý kinh tế. |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT Quản lý kinh tế** | | | | | | | | | | |
| **PLO1** | | | **PLO2** | | | |  | **PLO3** | | |
| 1.1 | 1.2 | 1.3 | 2.1 | 2.2 | 2.3 | 2.5 | 3.1 | 3.2 | 3.3 | 3.4 |
| CLO1 | R | M | M |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  | M | R | M | R |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  | M | M | R | M |

***7.3.28. Học phần 28: Chuyên đề thực tế 2 - 3TC***

Chuyên đề thực tế 02 là học phần học phần bắt buộc của hệ đào tạo cao học Thạc sỹ Quản lý kinh tế. Học phần được tổ chức vào học kỳ 4 năm thứ 2 sau khi HV đã tích lũy đủ số tín chỉ thuộc khối kiến thức chuyên sâu về Quản lý kinh tế và các kiến thức bổ trợ khác trong chương trình đào tạo.

Học phần được thực hiện thông qua việc HV đi thực tế tại trong thời gian 4 tuần tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phù hợp. Qua đó, học phần giúp học viên tiếp cận thực tiễn về hoạt động quản lý một cách toàn diện, chuyên sâu; liên hệ và vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được trang bị nhằm xử lý và thực hiện các công việc theo chuyên môn nghiệp vụ nghề nghiệp trong lĩnh vực quản lý một cách độc lập, sáng tạo đáp ứng yêu cầu của công việc trong bối cảnh mới.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - CO)***

| **Mục tiêu**  ***(COs)*** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên:* | **Đáp ứng PLO**  **CTĐT** |
| --- | --- | --- |
| **CO1** | Hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng kiến thức về kinh tế xã hội, tổ chức quản lý nói chung và công tác Quản lý kinh tế tại một đơn vị nói riêng một cách khoa học, nhuần nhuyễn. | PLO1.1  PLO1.2 PLO1.3 |
| **CO2** | Kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá về hoạt động Quản lý kinh tế ở mức độ chuyên sâu và khoa học cũng như kỹ năng đánh giá thực trạng công việc, truyền đạt kết quả nghiên cứu để nâng cao hiệu quả công tác trong lĩnh vực quản lý kinh tế. | PLO2.1  PLO2.2  PLO2.3 |
| **CO3** | Khả năng đưa ra kết luận và ý kiến tư vấn, đề xuất giải pháp, sáng kiến mang tính chuyên gia; hướng dẫn, tổ chức, quản lý và đánh giá trong công tác chuyên môn trong lĩnh vực Quản lý kinh tế. | PLO3.1  PLO3.3  PLO3.4 |

***Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcomes – CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **Mô tả**  *Sau khi học xong môn học này, người học có thể:* | |
| **CLO1** | Kiểm chứng và vận dụng nhuần nhuyễn kiến thức nâng cao về Quản lý kinh tế vào việc giải quyết các công việc phức tạp trong lĩnh vực quản lý điều hành hoạt động chuyên môn quản lý kinh tế của đơn vị. |
| **CLO2** | Kỹ năng tổng hợp, phân tích về Quản lý kinh tế ở mức độ chuyên sâu và khoa học; Kỹ năng đánh giá thực trạng công việc để nâng cao hiệu quả công tác trong lĩnh vực quản lý kinh tế. |
| **CLO3** | Kỹ năng tư vấn, đề xuất sáng kiến, giải pháp quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động Quản lý kinh tế. Khả năng tổ chức cho đơn vị thực hiện các giải pháp, sáng kiến, cải tiến trong công tác chuyên môn về quản lý kinh tế. |
| **CLO4** | Khả năng đưa ra đánh giá và kết luận mang tính chuyên gia trong lĩnh vực Quản lý kinh tế. Khả năng truyền đạt, hướng dẫn và tổ chức công - tư các hoạt động chuyên môn về quản lý kinh tế. |

***Ma trận mức độ đáp ứng của PLO học phần đối với PLO CTĐT***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CĐR học phần** | **CĐR của CTĐT Quản lý kinh tế-Kiểm toán** | | | | | | | | | | | |
| **PLO1** | | | **PLO2** | | | | | **PLO3** | | | |
| 1.1 | 1.2 | 1.3 | 2.1 | 2.2 | 2.3 | 2.4 | 2.5 | 3.1 | 3.2 | 3.3 | 3.4 |
| CLO1 | R | M | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  |  |  | M | R | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  | R | R |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  | R | R |

***7.3.29. Học phần 29: Luận văn tốt nghiệp – 9 TC***

Học phần luận văn tốt nghiệp CTĐT Thạc sĩ Quản lý kinh tế giúp học viên có điều kiện tiếp cận thực tế, vận dụng những kiến thức thực tế sâu rộng trong lĩnh vực Quản lý kinh tế phân tích, đánh giá các hoạt động thực tiễn trong Quản lý kinh tế tại đơn vị nghiên cứu. Từ đó, giúp học viên đề xuất các giải pháp giúp đơn vị tăng cường/hoàn thiện Quản lý kinh tế tại đơn vị nghiên cứu. Đồng thời, học phần giúp học viên đáp ứng đầy đủ chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý kinh tế.

***Mục tiêu học phần (Course Objectives - COs)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Mô tả**  *Học phần này trang bị cho học viên* | **Đáp ứng chuẩn đầu ra CTĐT** |
| CO1 | Vận dụng kiến thức chung và sâu rộng để quản lý điều hành và giải quyết các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực Quản lý kinh tế | PLO1.2  PLO1.3 |
| CO2 | Kỹ năng tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động Quản lý kinh tế theo từng nội dung nghiên cứu tại đơn vị. | PLO2.1  PLO2.2  PLO2.3  PLO2.4 |
| CO3 | Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về vấn đề liên quan đến lĩnh vực Quản lý kinh tế. Từ đó, hướng dẫn đề xuất và giúp đơn vị cải tiến hoạt động Quản lý kinh tế giúp nhà quản trị/quản lý đơn vị kịp thời đưa ra các quyết định điều hành. | PLO3.1  PLO3.2  PLO3.3  PLO3.4 |

***CĐR của học phần (Course Learning Outcomes - CLOs)***

|  |  |
| --- | --- |
| **CĐR học phần** | **Mô tả**  *Sau khi học xong học phần này, học viên có thể:* |
| CLO1 | Tổng hợp các kiến thức chung về kinh tế, quản lý kinh tế theo từng nội dung nghiên cứu. |
| CLO2 | Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu theo từng nội dung nghiên cứu của đề tài. |
| CLO3 | Tổng hợp, phân tích, đánh giá thưc trạng công tác Quản lý kinh tế trong tổ chức công, tư theo từng nội dung nghiên cứu của đề tài. |
| CLO4 | Đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về vấn đề liên quan đến lĩnh vực Quản lý kinh tế. Từ đó, hướng dẫn đề xuất và giúp các tổ chức cải tiến chuyên môn trong lĩnh vực Quản lý kinh tế trước những biến động của môi trường kinh tế - xã hội. |

***Ma trận mức độ đáp ứng của CĐR học phần đối với CĐR CTĐT***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | PLO 1.2 | PLO 1.3 | PLO 2.1 | PLO 2.2 | PLO 2.3 | PLO 2.4 | PLO 2.5 | PLO 3.1 | PLO 3.2 | PLO 3.4 |
| CLO1 | M | M |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 | M | M |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | M | M | M | M | M |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  | M | M | M |

**8. Phương pháp giảng dạy – học tập**

- Theo đuổi triết lý đào tạo lấy người học làm trung tâm, áp dụng chiến lược dạy và học hướng tới người học nhằm thúc đẩy ham muốn học tập và phát huy tính chủ động, sáng tạo của học viên.

- Lựa chọn nội dung các học phần, phương pháp giảng dạy phù hợp với từng đối tượng học viên, chẳng hạn học viên năm thứ nhất được tiếp cận các học phần nguyên lý cơ bản và phương pháp giảng dạy chủ đạo là thuyết trình để giúp học viên dễ dàng tiếp thu được kiến thức mới. Ngược lại, các học phần với khối kiến thức chuyên sâu được đào tạo cho học viên năm thứ hai, áp dụng kết hợp nhiều phương pháp giảng dạy yêu cầu năng lực tự học, tự tìm tài liệu, phân tích, tổng hợp, giải quyết tình huống phức tạp, khuyến khích học viên thuyết trình, phản biện và bảo vệ ý kiến của mình về một nội dung chuyên sâu thuộc lĩnh vực Quản lý kinh tế.

- Tất cả các học phần trong chương trình đào tạo đều yêu cầu học viên tham gia trả lời các câu hỏi thảo luận và đóng góp ý kiến xây dựng bài, là cơ sở để đánh giá điểm chuyên cần của học viên. Một số học phần chuyên ngành đã thiết kế hệ thống bài tập tình huống giúp học viên vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào giải quyết các tình huống phức tạp trong thực tế. Đồng thời, thông qua việc chuẩn bị bài tập nhóm và phối hợp thuyết trình trên lớp, học viên phát huy tính chủ động nghiên cứu tài liệu và tích cực thảo luận các luận điểm với các bạn trong nhóm, từ đó phát triển năng lực khám phá tri thức, khả năng làm việc nhóm, năng lực thuyết trình và tư duy phản biện.

Các phương pháp dạy và học nói trên giúp người học đạt được PLOs, thể hiện trong Bảng 10.

**Bảng 10: Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy - học**

| **Chiến lược và phương pháp dạy – học** | **PLOs** | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| PLO  1.1 | PLO  1.2 | PLO  1.3 | PLO  1.4 | PLO  2.1 | PLO  2.2 | PLO  2.3 | PLO  2.4 | PLO  2.5 | PLO  3.1 | PLO  3.2 | PLO  3.3 |
| **I. Kiến thức cơ bản** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Phương pháp dạy học  - Thuyết trình  − Thảo luận nhóm  − Đặt-giải quyết vấn đề  2. Phương pháp học tập  - Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp.  - Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giảng viên, tranh luận với bạn.  - Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau liên quan đến môn học theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học. | x |  |  |  |  |  |  |  | x |  |  | x |
| **II. Kiến thức ngành** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Phương pháp dạy học  - Nêu rõ mục tiêu kiến thức, kĩ năng học viên sẽ đạt được thông qua môn học.  - Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan.  - Thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai….  - Tham gia guest speaker  2. Phương pháp học tập  - Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp.  - Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn.  - Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/thực tập liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học. | x | x | x |  | x | x |  |  | x |  |  |  |
| **III. Kiến thức chuyên ngành** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1. Phương pháp dạy học  - Nêu rõ mục tiêu kiến thức, kĩ năng học viên sẽ đạt được thông qua môn học;  - Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan.  - Thuyết trình, thảo luận nhóm, đóng vai…  - Nghiên cứu tình huống, bài tập lớn, tiểu luận, phương pháp học tập theo dự án…  2. Phương pháp học tập  - Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp.  - Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn.  - Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/thực tập liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học. |  | x | x | x | x | x | x | x |  | x | x | x |

**9. Phương pháp đánh giá và hệ thống tính điểm**

***9.1. Phương pháp đánh giá***

**Bảng 11: Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và PLOs**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phương pháp đánh giá**  **(Assessment methods)** | | **PLOs** | | | | | | | | | | | |
| PLO  1.1 | PLO  1.2 | PLO  1.3 | PLO  1.4 | PLO  2.1 | PLO  2.2 | PLO  2.3 | PLO  2.4 | PLO  2.5 | PLO  3.1 | PLO  3.2 | PLO  3.3 |
| **I** | **Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Điểm danh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Xây dựng phát biểu của học viên | x | x |  |  |  | x |  |  | x |  |  |  |
| 3 | Thuyết trình và thảo luận nhóm, phản biện | x | x | x |  | x | x | x | x |  | x | x | x |
| 4 | Kiểm tra thường xuyên | x | x | x | x |  |  | x |  | x |  |  |  |
| **II** | **Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Kiểm tra giữa học phần | x | x | x | x |  |  | x |  | x | x | x |  |
| 2 | Thi kết thúc học phần | x | x | x | x |  |  | x |  | x | x | x |  |
| 3 | Bảo vệ luận văn thạc sĩ | x | x | x | x | x | x | x | x |  | x | x |  |

***9.2. Hệ thống tính điểm***

Trường Đại học Kinh tế và QTKD sử dụng hệ thống tính điểm để đánh giá người học như sau:

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm thi cuối kỳ và điểm học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

**10. Tổ chức thực hiện**

Chương trình đào tạo này được áp dụng từ kỳ tuyển sinh năm 2022 cho học viên ngành thạc sĩ Quản lý kinh tế theo định hướng nghiên cứu.

Trưởng khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết và thực hiện kế hoạch đào tạo nhằm thực hiện các mục tiêu và đáp ứng các chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật 2 (hai) năm một lần, khi có bất kỳ sự cần thiết phải cập nhật để đáp ứng các mục tiêu và tiêu chuẩn mới. Khoa sẽ nộp bản báo cáo cho trường để xem xét và giải quyết theo quy định hiện hành.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Thái Nguyên, ngày 02 tháng 8 năm 2022*  **Trưởng khoa Quản lý – Luật kinh tế**  *(Đã ký)*  **TS. Đàm Thanh Thủy** |